Ký bởi: TRUNG TÂM CÔNG BÁO
Email: ttcb.ubnd@tphcm.gov.vn
Cơ quan: VĂN PHÒNG ỦY BAN NHÂN DÂN, ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Ngày ký: 19-03-2025 15:35:03 +07:00

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 175 + 176 **Ngày 15 tháng 3 năm 2025**

MỤC LỤC

Trang

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

18-02-2025- Quyết định số 22/2025/QĐ-UBND bãi bỏ Quyết định số 27/2012/QĐ-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt "Chương trình phát triển công nghệ thông tin - truyền thông giai đoạn 2011 - 2015". 3

18-02-2025- Quyết định số 23/2025/QĐ-UBND ban hành Quy chế phối hợp giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 5

18-02-2025- Quyết định số 24/2025/QĐ-UBND bãi bỏ Quyết định số 26/2015/QĐ-UBND ngày 08 tháng 6 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành chính sách hỗ trợ cơ sở vật chất ban đầu cho các Hợp tác xã nông nghiệp - dịch vụ thành lập mới trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2015 - 2020. 27

20-02-2025- Quyết định số 25/2025/QĐ-UBND bãi bỏ Quyết định số 38/2007/QĐ-UBND ngày 05 tháng 3 năm 2007 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc ban hành Quy trình xếp hạng các Công ty Nhà nước trực thuộc Thành phố Hồ Chí Minh. 29

27-02-2025- Quyết định số 26/2025/QĐ-UBND ban hành quy định về quản lý, sử dụng nhà chung cư trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 31

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

24-02-2025- Chỉ thị số 03/CT-UBND về việc tăng cường công tác thực hành tiết kiệm, phòng, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng tài sản công trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 51

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7

24-01-2025- Quyết định số 186/QĐ-UBND về việc công bố danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực thi hành của năm 2024 và danh mục văn bản quy phạm pháp luật còn hiệu lực thi hành. 58

Ký bởi: TRUNG TÂM CÔNG BÁO
Email: ttcb.ubnd@tphcm.gov.vn
Cơ quan: VĂN PHÒNG ỦY BAN NHÂN DÂN, ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Ngày ký: 19-03-2025 15:35:19 +07:00

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 22/2025/QĐ-UBND	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 02 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH

Bãi bỏ Quyết định số 27/2012/QĐ-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt "Chương trình phát triển công nghệ thông tin - truyền thông giai đoạn 2011 - 2015"

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ

về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 113/TTr-STTTT ngày 19 tháng 12 năm 2024 và Tờ trình số 15/TTr-STTTT ngày 13 tháng 02 năm 2025 về ban hành Quyết định bãi bỏ Quyết định số 27/2012/QĐ-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc phê duyệt "Chương trình phát triển công nghệ thông tin - truyền thông giai đoạn 2011 - 2015" và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 8540/BC-STP ngày 17 tháng 12 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ Quyết định

Bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 27/2012/QĐ-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt "Chương trình phát triển công nghệ thông tin - truyền thông giai đoạn 2011 - 2015".

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố, Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Thị Diệu Thúy

Ký bởi: TRUNG TÂM CÔNG BÁO
Email: ttcb.ubnd@tphcm.gov.vn
Cơ quan: VĂN PHÒNG ỦY BAN NHÂN DÂN, ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Ngày ký: 19-03-2025 15:35:24 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 23/2025/QĐ-UBND	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 02 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế phối hợp giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 14/2020/QĐ-TTg ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Thủ

tướng Chính phủ về ban hành Quy chế phối hợp giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 9009/TTr-STP-KTrVB ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ý kiến thẩm định của Hội đồng tư vấn thẩm định tại Báo cáo số 9007/BC-HĐTVTĐ ngày 31 tháng 12 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy chế

Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2025.

2. Quyết định này thay thế Quyết định số 30/2016/QĐ-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế phối hợp giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Thủ trưởng các sở, ban, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố Thủ Đức, phường, xã, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Dương Ngọc Hải

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Phối hợp giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

(Kèm theo Quyết định số 23/2025/QĐ-UBND ngày 18 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định nguyên tắc, nhiệm vụ, quyền hạn và quy trình phối hợp giữa các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân liên quan trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh trong giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế tại tổ chức trọng tài quốc tế hoặc cơ quan tài phán khác không phải của Việt Nam (sau đây gọi là trọng tài quốc tế). Quy chế này không áp dụng đối với các việc giải quyết khiếu kiện về đầu tư được giải quyết tại trọng tài, tòa án hoặc cơ quan, tổ chức của Việt Nam theo pháp luật Việt Nam.

2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, tổ chức, cá nhân khác liên quan đến giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế tại các tổ chức trọng tài quốc tế nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, cơ quan, tổ chức trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Tranh chấp đầu tư quốc tế* là tranh chấp phát sinh từ việc nhà đầu tư nước ngoài kiện Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh hoặc cơ quan nhà nước, tổ chức

được cơ quan nhà nước ủy quyền thực hiện chức năng quản lý nhà nước hoặc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh được xác định là cơ quan chủ trì theo quy định tại Điều 5 Quy chế phối hợp giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế ban hành kèm theo Quyết định số 14/2020/QĐ-TTg ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ, theo một trong các trường hợp sau:

a) Hiệp định khuyến khích và bảo hộ đầu tư hoặc hiệp định thương mại hoặc điều ước quốc tế khác có quy định về bảo hộ đầu tư mà Việt Nam là thành viên (sau đây gọi chung là hiệp định đầu tư), trong đó có quy định về việc giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế tại trọng tài quốc tế.

b) Hợp đồng, thỏa thuận giữa cơ quan nhà nước Việt Nam và nhà đầu tư nước ngoài, trong đó có quy định cơ quan giải quyết tranh chấp phát sinh từ hợp đồng, thỏa thuận này là trọng tài quốc tế.

2. *Nhà đầu tư nước ngoài* là tổ chức hoặc cá nhân đáp ứng các tiêu chí về nhà đầu tư nước ngoài theo hiệp định đầu tư liên quan mà Việt Nam là thành viên.

3. *Cơ quan đầu mối* là cơ quan tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chủ trì, được xác định tại Điều 6 Quy chế này, theo một trong các trường hợp sau:

a) Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh được xác định là cơ quan chủ trì theo quy định tại Điều 5 Quy chế kèm theo Quyết định số 14/2020/QĐ-TTg.

b) Nhà đầu tư nước ngoài khởi kiện Ủy ban nhân dân Thành phố.

c) Nhà đầu tư nước ngoài đồng thời khởi kiện Ủy ban nhân dân Thành phố và cơ quan, tổ chức trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố.

4. *Cơ quan chủ trì* là cơ quan, tổ chức trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố có biện pháp bị nhà đầu tư nước ngoài khởi kiện, được xác định theo các nguyên tắc tại Điều 5 Quy chế này và có nhiệm vụ, quyền hạn theo Điều 7 Quy chế này.

5. *Cơ quan đại diện pháp lý* cho Ủy ban nhân dân Thành phố là Sở Tư pháp, có nhiệm vụ, quyền hạn theo Điều 8 Quy chế này.

6. *Biện pháp bị kiện* là việc làm, quyết định hoặc biện pháp của cơ quan nhà nước mà nhà đầu tư nước ngoài cho rằng vi phạm hiệp định đầu tư, hợp đồng, thỏa thuận.

7. *Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan* là cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan tới việc giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế và được cơ quan chủ trì mời

hoặc yêu cầu tham gia giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế cụ thể.

8. *Tổ Công tác liên ngành* là tổ công tác do Ủy ban nhân dân Thành phố thành lập để tư vấn, phối hợp với cơ quan chủ trì, cơ quan đầu mối, cơ quan đại diện pháp lý trong quá trình giải quyết một vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế cụ thể.

9. *Nhân chứng* là người biết về các tình tiết liên quan của vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế.

10. *Chuyên gia* là người có kiến thức chuyên môn, có kinh nghiệm trong lĩnh vực cụ thể có liên quan đến các vấn đề trong vụ việc đang xảy ra tranh chấp, có trách nhiệm, khách quan, trung thực trong việc cung cấp ý kiến của mình trước các phiên xử của trọng tài quốc tế.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao, cơ quan chủ trì, cơ quan đầu mối, Sở Tư pháp và cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan:

1. Có trách nhiệm phối hợp giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế đầy đủ, hiệu quả, kịp thời theo quy định tại Quy chế này và quy định của pháp luật Việt Nam để bảo vệ tối đa quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam.

2. Có nghĩa vụ giữ bí mật nhà nước, bí mật thông tin trong quá trình giải quyết tranh chấp theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về hậu quả phát sinh do không phối hợp hoặc phối hợp không đáp ứng yêu cầu về thời gian và nội dung quy định tại Quy chế này.

Điều 4. Nội dung phối hợp

1. Trao đổi thông tin, tài liệu giữa các cơ quan liên quan trong quá trình giải quyết khiếu nại, tố cáo, vướng mắc của nhà đầu tư nước ngoài nhằm phòng ngừa tranh chấp đầu tư quốc tế.

2. Phối hợp trong giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế

a) Cử người có đủ năng lực của cơ quan, tổ chức mình tham gia Tổ công tác liên ngành giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế khi được cơ quan chủ trì, cơ quan đầu mối yêu cầu.

b) Tham gia thương lượng, hòa giải các tranh chấp đầu tư quốc tế.

c) Xây dựng và thực hiện chiến lược, lộ trình, các bước giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế.

d) Thu thập và cung cấp thông tin, hồ sơ, chứng cứ và tài liệu phục vụ giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế.

đ) Xử lý các nội dung liên quan đến phán quyết, quyết định của trọng tài quốc tế.

e) Thực hiện các công việc khác trong giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế.

Điều 5. Cơ quan chủ trì giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế

Việc xác định cơ quan chủ trì giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế được thực hiện theo các nguyên tắc thứ tự sau đây:

1. Là cơ quan, tổ chức trực thuộc/thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố được nêu tại thông báo ý định khởi kiện.

2. Trường hợp tranh chấp đầu tư quốc tế có các biện pháp bị kiện của nhiều cơ quan, tổ chức trực thuộc/thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, các cơ quan này phải phối hợp, thống nhất cơ quan chủ trì trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo ý định khởi kiện.

3. Trường hợp áp dụng các nguyên tắc quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này mà không xác định hoặc không thống nhất được cơ quan chủ trì thì cơ quan, tổ chức nhận được thông báo ý định khởi kiện chuyển thông báo ý định khởi kiện cho Sở Tư pháp. Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày Sở Tư pháp nhận được thông báo ý định khởi kiện, Sở Tư pháp có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố đề xuất việc lựa chọn cơ quan chủ trì. Việc xác định dựa trên nguyên tắc cơ quan chủ trì là cơ quan, tổ chức trực thuộc/thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố có liên quan nhiều nhất đến vụ việc tranh chấp và có năng lực phù hợp để giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế đó.

Điều 6. Cơ quan đầu mối giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế

1. Trường hợp Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh được xác định là cơ quan chủ trì theo quy định tại Điều 5 Quy chế kèm theo Quyết định số 14/2020/QĐ-TTg hoặc trường hợp nhà đầu tư nước ngoài khởi kiện Ủy ban nhân dân Thành phố, trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày Sở Tư pháp nhận được thông báo ý định khởi kiện, Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định cơ quan đầu mối theo các nguyên tắc thứ tự sau đây:

a) Là cơ quan đã giải quyết hoặc chủ trì tham mưu giải quyết khiếu nại liên quan đến nội dung khởi kiện của nhà đầu tư nước ngoài.

b) Là cơ quan, tổ chức trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố được giao đàm phán hợp đồng, thỏa thuận với nhà đầu tư nước ngoài.

c) Là cơ quan, tổ chức trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố thay mặt Ủy ban nhân dân Thành phố hoặc được ủy quyền ký hợp đồng, thỏa thuận với nhà đầu tư nước ngoài khi tranh chấp phát sinh trên cơ sở hợp đồng, thỏa thuận đó. Trường hợp thành lập Tổ công tác đàm phán, ký kết hợp đồng thì cơ quan đầu mối là cơ quan chủ trì đàm phán, ký kết hợp đồng, thỏa thuận với nhà đầu tư nước ngoài.

d) Cơ quan, tổ chức tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành các văn bản pháp lý bị khởi kiện.

đ) Cơ quan, tổ chức trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố có liên quan nhiều nhất đến vụ việc tranh chấp và có năng lực phù hợp để giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế đó.

2. Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài đồng thời khởi kiện Ủy ban nhân dân Thành phố và cơ quan, tổ chức trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố trong một vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế cụ thể thì cơ quan đầu mối là cơ quan, tổ chức trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố được xác định theo Điều 5 Quy chế này.

3. Cơ quan đầu mối tại Quy chế này có nhiệm vụ, quyền hạn phối hợp với Sở Tư pháp, Tổ Công tác liên ngành (nếu có) và các cơ quan liên quan để tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chủ trì được quy định tại Điều 6 Quy chế kèm theo Quyết định số 14/2020/QĐ-TTg.

Điều 7. Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chủ trì

Chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan:

1. Tiếp nhận thông báo ý định khởi kiện, xử lý các thông tin, tài liệu liên quan đến việc khởi kiện của nhà đầu tư nước ngoài.

2. Tổ chức thương lượng với nhà đầu tư nước ngoài theo cam kết với nhà đầu tư nước ngoài hoặc cam kết quốc tế liên quan của Việt Nam.

3. Làm đầu mối liên lạc, trao đổi với nhà đầu tư nước ngoài khởi kiện và với trọng tài quốc tế giải quyết vụ tranh chấp đầu tư quốc tế.

4. Xây dựng chiến lược, lộ trình, các bước giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế và điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn, diễn biến vụ việc, trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt.

5. Quyết định lựa chọn, đàm phán, thay mặt Ủy ban nhân dân Thành phố ký kết, quản lý hợp đồng thuê tổ chức hành nghề luật sư (sau đây gọi chung là luật sư) giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế, mời nhân chứng, thuê chuyên gia trên cơ sở đề xuất của luật sư theo quy định tại Điều 25, Điều 26 Quy chế này.

6. Xử lý các vấn đề liên quan đến tranh chấp đầu tư quốc tế.

7. Chỉ định trọng tài viên.

8. Tham gia đầy đủ các phiên họp, xét xử của trọng tài quốc tế theo yêu cầu.

9. Tổ chức hòa giải, thương lượng với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định tại Quy chế này.

10. Thi hành phán quyết, quyết định giải quyết tranh chấp của trọng tài quốc tế có hiệu lực thi hành.

11. Tạo điều kiện cho thành viên Tổ công tác liên ngành tiếp cận tài liệu, thông tin liên quan; quyết định cung cấp thông tin cho cơ quan ngôn luận, báo chí; và chịu trách nhiệm về an toàn thông tin, đảm bảo bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật.

12. Báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố và tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tư pháp và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền về các vấn đề liên quan đến tranh chấp đầu tư quốc tế theo quy định của pháp luật và trong trường hợp được Thủ tướng Chính phủ yêu cầu.

13. Ban hành các quy tắc, nội quy phù hợp cho việc giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế cụ thể trên cơ sở Quy chế này và pháp luật liên quan.

14. Ký văn bản gửi trọng tài quốc tế thông báo tổ chức hành nghề luật sư đại diện cho Việt Nam.

15. Xây dựng, hoàn thiện các bản tự bảo vệ, bản kháng biện, tài liệu nộp cho trọng tài quốc tế và chịu trách nhiệm về nội dung các tài liệu này.

16. Xây dựng dự toán kinh phí phục vụ giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt sau khi có ý kiến thẩm định của Sở Tài chính.

Điều 8. Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan đại diện pháp lý cho Ủy ban nhân dân Thành phố

1. Làm đầu mối tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo công tác phối

hợp giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế theo nội dung Quy chế này.

2. Xây dựng, cập nhật danh sách các chuyên gia pháp lý có thể làm trọng tài viên và danh sách tổ chức hành nghề luật sư có thể làm luật sư cho Ủy ban nhân dân Thành phố, cơ quan, tổ chức trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố trong giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế.

3. Tổ chức đào tạo, tăng cường năng lực cho cán bộ, công chức của Thành phố về phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế.

4. Phối hợp với cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan và luật sư được thuê theo quy định của Quy chế này để phối hợp, hỗ trợ cơ quan chủ trì khi được yêu cầu đối với các công việc sau đây:

a) Tư vấn cho cơ quan chủ trì các vấn đề pháp lý liên quan đến giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế;

b) Thuê luật sư giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế cụ thể;

c) Xây dựng, thực hiện chiến lược, lộ trình, các bước giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế cụ thể;

d) Chỉ định trọng tài viên;

đ) Cử đại diện tham gia Tổ Công tác liên ngành tham gia toàn bộ quá trình giải quyết tranh chấp;

e) Tham gia các phiên xử của Trọng tài quốc tế;

g) Thực hiện phán quyết, quyết định của trọng tài quốc tế.

Điều 9. Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan

1. Phối hợp với cơ quan chủ trì và Sở Tư pháp giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế theo yêu cầu của cơ quan chủ trì phù hợp với khả năng chuyên môn hoặc lĩnh vực quản lý chuyên ngành.

2. Cung cấp hiệu quả, đầy đủ, kịp thời, chính xác thông tin, chứng cứ, tài liệu chứng minh và giải trình các nội dung liên quan theo yêu cầu của cơ quan chủ trì và cơ quan đại diện pháp lý.

3. Cử thành viên tham gia Tổ công tác liên ngành theo yêu cầu của cơ quan chủ trì và/hoặc Sở Tư pháp; trường hợp đặc biệt không thể cung cấp, phải nêu rõ lý do.

4. Giữ bí mật thông tin, tài liệu và bí mật nhà nước có được trong quá trình giải

quyết tranh chấp.

5. Yêu cầu cơ quan chủ trì cung cấp hoặc bổ sung thông tin về vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế để thực hiện nhiệm vụ của mình.

Chương II
PHỐI HỢP TRONG QUÁ TRÌNH GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO, VƯỚNG MẮC CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

Điều 10. Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan giải quyết khiếu nại, tố cáo, vướng mắc, cơ quan tiếp nhận yêu cầu của nhà đầu tư nước ngoài

1. Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, vướng mắc của nhà đầu tư nước ngoài được thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo, cam kết với nhà đầu tư nước ngoài và cam kết quốc tế liên quan của Việt Nam. Đối với các yêu cầu liên quan đến thực hiện cam kết từ hợp đồng, thỏa thuận với nhà đầu tư nước ngoài, cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết là cơ quan chủ trì được xác định theo quy định tại Điều 5 Quy chế này.

2. Trong trường hợp cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân nhận được khiếu nại, tố cáo, vướng mắc hoặc yêu cầu liên quan đến việc thực hiện cam kết từ hợp đồng, thỏa thuận đầu tư quốc tế của nhà đầu tư nước ngoài nhưng không có thẩm quyền giải quyết, cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân đó phải hướng dẫn nhà đầu tư nước ngoài gửi đến cơ quan có thẩm quyền và thông báo việc này đến cơ quan có thẩm quyền.

Điều 11. Trách nhiệm phối hợp trong việc giải quyết yêu cầu, khiếu nại, tố cáo, vướng mắc của nhà đầu tư nước ngoài

1. Trong quá trình giải quyết yêu cầu, khiếu nại, tố cáo, vướng mắc của nhà đầu tư nước ngoài, cơ quan giải quyết khiếu nại, tố cáo, vướng mắc, cơ quan chủ trì có trách nhiệm, phối hợp các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và/hoặc chuyên gia xác minh yêu cầu của nhà đầu tư nước ngoài; giải quyết vụ việc đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo, Luật Đầu tư và các cam kết tại hợp đồng hoặc thỏa thuận với nhà đầu tư nước ngoài.

2. Cơ quan giải quyết khiếu nại, tố cáo, vướng mắc, cơ quan chủ trì phải báo cáo ngay nội dung vụ việc cho Ủy ban nhân dân Thành phố đề xuất giải pháp xử lý, phòng ngừa tranh chấp đầu tư quốc tế trong trường hợp có đủ các dấu hiệu sau:

a) Biện pháp nhà đầu tư khiếu nại, tố cáo, vướng mắc có dấu hiệu vi phạm quy

định của pháp luật, hiệp định đầu tư hoặc cam kết khác với nhà đầu tư nước ngoài;

b) Có khả năng phát sinh vụ kiện tranh chấp đầu tư quốc tế.

Chương III
PHỐI HỢP TRONG GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP VỚI NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

Điều 12. Trách nhiệm thương lượng với nhà đầu tư nước ngoài

1. Ngay khi nhận được yêu cầu thương lượng hoặc thông báo ý định khởi kiện, thông báo trọng tài hoặc thông báo tương tự của nhà đầu tư nước ngoài về việc khởi kiện vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế, căn cứ vào tình hình thực tế, cơ quan chủ trì phối hợp với Tổ công tác liên ngành (nếu đã được thành lập), cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan và luật sư (nếu có) xây dựng phương án thương lượng với nhà đầu tư nước ngoài trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt; tiến hành tiếp xúc, thương lượng với nhà đầu tư nước ngoài để rút đơn kiện. Đồng thời, nắm bắt tâm lý, nguyện vọng và các căn cứ, lập luận của nhà đầu tư nước ngoài về vụ kiện.

2. Trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày Ủy ban nhân dân Thành phố nhận được phương án thương lượng với nhà đầu tư nước ngoài, Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố có trách nhiệm xem xét, tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt phương án thương lượng.

3. Trong trường hợp phương án thương lượng với nhà đầu tư nước ngoài được phê duyệt theo khoản 1 và khoản 2 Điều này, cơ quan chủ trì phối hợp với Tổ công tác liên ngành, cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan và luật sư (nếu có) tiến hành thương lượng với nhà đầu tư nước ngoài theo đúng phương án đó.

Điều 13. Tiếp nhận, chuyển thông tin, tài liệu về tranh chấp đầu tư quốc tế

1. Cơ quan chủ trì có trách nhiệm tiếp nhận thông báo ý định khởi kiện, thông báo trọng tài hoặc thông báo tương tự của nhà đầu tư nước ngoài về việc khởi kiện vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế tại trọng tài quốc tế.

2. Cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân không phải là cơ quan chủ trì theo quy định tại Điều 5 Quy chế này nếu nhận được thông báo ý định khởi kiện, thông báo trọng tài hoặc thông báo tương tự của nhà đầu tư nước ngoài về việc khởi kiện vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế tại trọng tài quốc tế phải chuyển toàn bộ thông tin, tài liệu đã nhận ngay sau khi hoặc không trễ hơn thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ

ngày nhận được thông báo đó đến cơ quan chủ trì theo quy định tại Điều 5 Quy chế này trong trường hợp tự xác định được cơ quan chủ trì (bản chính); trường hợp không xác định được cơ quan chủ trì thì gửi đến:

a) Sở Tư pháp (bản chính);

b) Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố (bản chụp);

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản hoặc thông báo từ nguồn khác, Sở Tư pháp phải gửi văn bản kèm theo bản sao toàn bộ hồ sơ nhận được đến cơ quan chủ trì hoặc chủ trì, phối hợp Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định cơ quan chủ trì theo quy định tại Điều 5 Quy chế này.

Điều 14. Thông báo về việc nhà đầu tư nước ngoài khởi kiện và yêu cầu cung cấp thông tin, chứng cứ, tài liệu chứng minh phục vụ giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế

1. Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ khi nhận được thông báo ý định khởi kiện hoặc thông báo trọng tài hoặc thông báo tương tự của nhà đầu tư nước ngoài về việc khởi kiện vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế tại trọng tài quốc tế, cơ quan chủ trì phải thông báo bằng văn bản kèm theo các thông tin, tài liệu liên quan đến Sở Tư pháp và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Nội dung thông báo theo quy định tại khoản 1 Điều này bao gồm:

a) Tên, quốc tịch của nhà đầu tư nước ngoài;

b) Căn cứ khởi kiện và biện pháp bị khởi kiện;

c) Cơ quan tài phán giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế;

d) Các tình tiết của vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế;

đ) Yêu cầu của nhà đầu tư nước ngoài;

e) Đánh giá sơ bộ ban đầu về vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế;

g) Tên cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân được đề nghị hoặc yêu cầu phối hợp và các thông tin, chứng cứ, tài liệu cần được cung cấp để phục vụ giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế;

h) Các nội dung cần thiết khác cho việc giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế.

3. Cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân được yêu cầu phối hợp theo khoản 2 Điều này trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị hoặc yêu cầu của cơ quan chủ trì có trách nhiệm trả lời bằng văn bản và cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin, chứng cứ, tài liệu chứng minh.

4. Trong trường hợp cần thiết, cơ quan chủ trì yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan cung cấp bổ sung thông tin, chứng cứ, tài liệu chứng minh và cử người tham gia Tổ công tác liên ngành phục vụ giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế.

5. Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm cung cấp bổ sung thông tin, chứng cứ, tài liệu chứng minh và cử người tham gia Tổ công tác liên ngành theo yêu cầu của cơ quan chủ trì trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp vì lý do khách quan không thể đáp ứng thời hạn năm (05) ngày làm việc theo khoản 3 và khoản 4 Điều này, cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan phải thông báo lại với cơ quan chủ trì, trong đó nêu rõ lý do và thời hạn hoàn thành sớm nhất có thể.

Điều 15. Hòa giải

1. Trong quá trình giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế, trên cơ sở diễn biến cụ thể, cơ quan chủ trì phối hợp với Tổ công tác liên ngành nghiên cứu, đánh giá khả năng và xây dựng phương án hòa giải, phù hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định.

2. Phương án hòa giải đảm bảo giải quyết dứt điểm tranh chấp đầu tư quốc tế, quyền và lợi ích của Việt Nam và phù hợp với diễn biến thực tế của quá trình giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế.

3. Trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày Ủy ban nhân dân Thành phố nhận được phương án hòa giải với nhà đầu tư nước ngoài, Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố có trách nhiệm xem xét, tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố báo cáo phê duyệt phương án hòa giải.

4. Trong trường hợp phương án hòa giải với nhà đầu tư nước ngoài được phê duyệt theo khoản 1 Điều này, cơ quan chủ trì phối hợp với Tổ công tác liên ngành, cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan và luật sư (nếu có) tiến hành hòa giải với nhà đầu tư nước ngoài theo đúng phương án đó.

Điều 16. Xây dựng chiến lược giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế

1. Ngay khi nhận được thông báo ý định khởi kiện, thông báo trọng tài hoặc

thông báo tương tự của nhà đầu tư nước ngoài về việc khởi kiện vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế, cơ quan chủ trì khẩn trương phối hợp với Sở Tư pháp, cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan và Tổ công tác liên ngành (nếu đã được thành lập), luật sư (nếu có) xây dựng bản đánh giá ban đầu về vụ việc và đề xuất phương án giải quyết.

Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được Đơn khởi kiện chính thức của nhà đầu tư nước ngoài, cơ quan chủ trì phối hợp với Sở Tư pháp, cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan và Tổ công tác liên ngành (nếu đã được thành lập), luật sư (nếu có) xây dựng chiến lược tổng thể giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt.

2. Chiến lược giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế bao gồm các nội dung sau:

a) Tóm tắt vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế và cơ sở pháp lý liên quan, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trực tiếp hay gián tiếp đối với vụ việc và quá trình tiếp xúc, giải quyết ban đầu (nếu có), nguyên nhân xảy ra tranh chấp;

b) Phân tích điểm mạnh, điểm yếu của phía Việt Nam và của nhà đầu tư nước ngoài;

c) Quy trình tố tụng cụ thể (bao gồm các mốc thời gian theo yêu cầu tố tụng) đối với vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế và nhiệm vụ của cơ quan chủ trì, cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan trong từng bước của quy trình tố tụng này;

d) Việc sử dụng luật sư, chỉ định trọng tài viên; thành lập Tổ công tác liên ngành;

đ) Đề xuất các phương án xử lý vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế, trong đó có phương án thương lượng, hòa giải, tiếp xúc với nhà đầu tư nước ngoài;

e) Nhận xét, kiến nghị liên quan.

3. Trong thời hạn năm (05) ngày, kể từ ngày Ủy ban nhân dân Thành phố nhận được chiến lược tổng thể giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế, Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố có trách nhiệm xem xét, tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố báo cáo phê duyệt chiến lược này và gửi cơ quan chủ trì, Sở Tư pháp để triển khai thực hiện.

4. Trong quá trình thực hiện chiến lược giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế, nếu cần thiết, cơ quan chủ trì phối hợp với cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan và Tổ công tác liên ngành (nếu đã được thành lập) sửa đổi, bổ sung chiến lược giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế cho phù hợp với tình hình thực tiễn, trình

Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt. Nội dung trình phải nêu rõ lý do điều chỉnh, nội dung điều chỉnh và các hậu quả pháp lý liên quan đến việc thay đổi này.

5. Chiến lược giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế được lưu hành, quản lý theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

Điều 17. Về phối hợp cung cấp tài liệu cho trọng tài quốc tế

1. Cơ quan chủ trì, phối hợp với Tổ công tác liên ngành (nếu có), cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan và luật sư (nếu có) thu thập các tài liệu trên cơ sở yêu cầu cung cấp tài liệu của trọng tài quốc tế.

2. Cơ quan chủ trì, phối hợp với Tổ công tác liên ngành (nếu có) quyết định các văn bản mà phía Việt Nam có thể cung cấp, các văn bản không cung cấp.

Điều 18. Xây dựng, hoàn thiện các bản tự bảo vệ, bản kháng biện và các văn bản nộp hội đồng trọng tài quốc tế

1. Cơ quan chủ trì phối hợp với Sở Tư pháp, Tổ công tác liên ngành, cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan và luật sư (nếu có) xây dựng, hoàn thiện các bản tự bảo vệ, bản kháng biện và các văn bản nộp hội đồng trọng tài quốc tế không chậm hơn thời gian theo quy trình tố tụng giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm góp ý bằng văn bản đối với dự thảo các bản tự bảo vệ, bản kháng kiện và các văn bản nộp hội đồng trọng tài quốc tế trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị bằng văn bản của cơ quan chủ trì trừ khi cơ quan chủ trì có yêu cầu thời hạn trả lời khác để đảm bảo thời hạn tố tụng.

3. Khi nộp các bản tự bảo vệ, bản kháng biện và các văn bản cho hội đồng trọng tài quốc tế, cơ quan chủ trì có trách nhiệm gửi một bản sao đến Ủy ban nhân dân Thành phố, Sở Tư pháp, Tổ công tác liên ngành của Thành phố.

4. Cơ quan chủ trì chịu trách nhiệm về nội dung của các bản tự bảo vệ, bản kháng biện và các văn bản nộp hội đồng trọng tài quốc tế giải quyết vụ việc. Nội dung bản tự bảo vệ, bản kháng biện phải bám sát chiến lược giải quyết vụ việc đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Điều 15 Quy chế này.

Điều 19. Tham gia phiên xét xử của trọng tài quốc tế

1. Cơ quan chủ trì phối hợp với Sở Tư pháp, Tổ công tác liên ngành, cơ quan, tổ

chức, cá nhân liên quan và luật sư (nếu có) chuẩn bị nội dung tham gia phiên xét xử của trọng tài quốc tế theo thông báo và quy trình tố tụng.

2. Tùy theo tính chất vụ việc, cơ quan chủ trì phối hợp với Tổ công tác liên ngành, cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan và luật sư (nếu có) báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định thành phần tham gia phiên xét xử.

Điều 20. Xử lý các vấn đề liên quan sau phiên xét xử của trọng tài quốc tế

1. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc phiên xét xử tại trọng tài quốc tế, cơ quan chủ trì có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố báo cáo Thủ tướng Chính phủ và cơ quan đại diện pháp lý cho Chính phủ về diễn biến phiên xét xử.

2. Cơ quan chủ trì phối hợp với Sở Tư pháp, cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan, tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố xử lý các vấn đề phát sinh sau phiên xét xử; sau phán quyết, quyết định của trọng tài quốc tế.

3. Trong trường hợp Ủy ban nhân dân Thành phố (hoặc cơ quan nhà nước Việt Nam) phải bồi thường cho nhà đầu tư nước ngoài, cơ quan chủ trì phối hợp với Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân Thành phố phương án chi trả, đảm bảo thực hiện đúng phán quyết, quyết định và quy định của pháp luật Việt Nam liên quan.

Điều 21. Công nhận và thi hành phán quyết, quyết định của trọng tài quốc tế

Cơ quan chủ trì phối hợp với Sở Tư pháp, cơ quan nhà nước có thẩm quyền và luật sư (nếu có) thực hiện việc công nhận và thi hành tại Việt Nam hoặc nước ngoài phán quyết, quyết định của trọng tài quốc tế trong trường hợp việc công nhận và thi hành có lợi cho Việt Nam.

Điều 22. Quy định về chế độ bảo mật thông tin

Toàn bộ nội dung chiến lược giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế bao gồm quá trình giải quyết khiếu nại, tham vấn, đối thoại, hòa giải và giải quyết tại trọng tài quốc tế được lưu hành và bảo quản theo quy định pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước hoặc các thỏa thuận bảo mật thông tin khác theo yêu cầu của cơ quan chủ trì đối các cá nhân và tổ chức có liên quan đến toàn bộ quá trình giải quyết vụ việc.

Chương IV
TỔ CÔNG TÁC LIÊN NGÀNH THAM GIA GIẢI QUYẾT VỤ VIỆC TRANH CHẤP ĐẦU TƯ QUỐC TẾ

Điều 23. Thành lập, giải thể Tổ công tác liên ngành

1. Tùy theo tính chất của vụ việc, cơ quan chủ trì phối hợp với Sở Nội vụ tham mưu việc thành lập Tổ công tác liên ngành trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định.

Tổ công tác liên ngành được thành lập khi vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế được khởi kiện ra trọng tài quốc tế. Trong trường hợp cần thiết, Tổ công tác liên ngành có thể được thành lập sau khi cơ quan chủ trì nhận được thông báo ý định khởi kiện của nhà đầu tư nước ngoài về việc khởi kiện vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế tại trọng tài quốc tế.

2. Sau khi Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định thành lập Tổ công tác liên ngành, cơ quan chủ trì xây dựng chương trình, thời gian làm việc cụ thể của Tổ công tác liên ngành.

3. Thành viên Tổ công tác liên ngành gồm đại diện của cơ quan chủ trì, Sở Tư pháp và cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan. Tổ trưởng Tổ công tác liên ngành là Thủ trưởng cơ quan chủ trì.

Trong trường hợp cơ quan chủ trì được xác định theo Điều 5 Quy chế này, Tổ phó Tổ công tác liên ngành do Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định trên cơ sở đề xuất của Tổ trưởng Tổ công tác liên ngành.

4. Tổ công tác liên ngành tự giải thể và chấm dứt hoạt động sau khi vụ việc giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế kết thúc.

Điều 24. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ công tác liên ngành

1. Nhiệm vụ, quyền hạn:

a) Tư vấn cho cơ quan chủ trì tham mưu cho Ủy ban nhân dân Thành phố về các vấn đề liên quan đến giải quyết vụ tranh chấp đầu tư quốc tế;

b) Tham gia các buổi tham vấn, thương lượng, hòa giải với nhà đầu tư nước ngoài;

c) Góp ý xây dựng chiến lược giải quyết vụ việc, góp ý bằng văn bản đối với dự thảo các bản tự bảo vệ, bản kháng biện, tài liệu nộp trọng tài quốc tế trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị bằng văn bản của cơ quan chủ trì;

d) Phối hợp xử lý các nội dung liên quan đến thi hành phán quyết, quyết định của Trọng tài quốc tế khi có yêu cầu của cơ quan chủ trì;

đ) Các nhiệm vụ, công việc cụ thể khác theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân Thành phố.

2. Tổ công tác liên ngành có trách nhiệm thực hiện theo Chiến lược giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế đã được phê duyệt theo quy định của Điều 15 Quy chế này.

3. Thành viên Tổ công tác liên ngành có ý kiến về các vấn đề theo chức năng nhiệm vụ của cơ quan cử thành viên.

Thành viên Tổ công tác liên ngành báo cáo xin ý kiến lãnh đạo của cơ quan mình về những nội dung liên quan đến lĩnh vực do cơ quan mình quản lý. Ý kiến của thành viên Tổ công tác liên ngành là ý kiến chính thức của cơ quan cử thành viên đó.

4. Thành viên Tổ công tác liên ngành có quyền bảo lưu ý kiến của mình nếu ý kiến đó khác với ý kiến của Tổ công tác liên ngành hoặc của cơ quan chủ trì.

Điều 25. Chế độ làm việc của Tổ công tác liên ngành

1. Thành viên Tổ công tác liên ngành hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm.

2. Thành viên Tổ công tác liên ngành thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Tổ trưởng Tổ công tác liên ngành và có trách nhiệm tham gia đầy đủ, hiệu quả các hoạt động của Tổ công tác liên ngành. Trong trường hợp cần thiết, Tổ trưởng Tổ công tác liên ngành quyết định việc luật sư tham gia các hoạt động của Tổ công tác liên ngành.

3. Cơ quan chủ trì có trách nhiệm bố trí một bộ phận giúp việc cho Tổ Công tác liên ngành để thực hiện các công việc hành chính và chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho các hoạt động của Tổ công tác liên ngành.

Chương V
THUÊ LUẬT SƯ TƯ VẤN, CHUYÊN GIA VÀ MỜI NHÂN CHỨNG PHỤC VỤ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP ĐẦU TƯ QUỐC TẾ

Điều 26. Thuê luật sư tư vấn, giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế

1. Tùy theo tính chất phức tạp của từng vụ tranh chấp đầu tư quốc tế cụ thể, cơ quan chủ trì phối hợp với Tổ công tác liên ngành thực hiện quy trình lựa chọn, thuê luật sư theo quy định pháp luật về đấu thầu và pháp luật liên quan.

2. Cơ quan chủ trì báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố về kết quả đàm phán

hợp đồng dịch vụ pháp lý trước khi ký.

3. Cơ quan chủ trì phối hợp với Tổ công tác liên ngành kiểm soát việc thực hiện hợp đồng dịch vụ pháp lý đã ký với luật sư.

Điều 27. Nhân chứng

1. Tùy theo yêu cầu của vụ tranh chấp đầu tư quốc tế, theo tư vấn của luật sư (nếu có), cơ quan chủ trì phối hợp với Tổ công tác liên ngành, cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan mời nhân chứng phục vụ quá trình giải quyết vụ tranh chấp đầu tư quốc tế.

2. Việc chi trả các chi phí cho nhân chứng, bao gồm chi phí ăn ở, đi lại và chi bù đắp tổn thất về ngày công lao động cho nhân chứng được thực hiện theo quy định tại Chương VI Quy chế này.

Điều 28. Thuê chuyên gia

1. Tùy theo yêu cầu của vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế, cơ quan chủ trì phối hợp với Tổ công tác liên ngành, cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan và luật sư (nếu có) quyết định việc thuê chuyên gia phục vụ quá trình giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế, đảm bảo việc lựa chọn hiệu quả, đáp ứng yêu cầu về thời gian tố tụng.

2. Cơ quan chủ trì chịu trách nhiệm quản lý công việc của chuyên gia trên cơ sở hợp đồng thỏa thuận giữa cơ quan chủ trì và chuyên gia.

3. Chuyên gia chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc cung cấp các tài liệu, chứng cứ, ý kiến chuyên môn trong trường hợp có căn cứ cho thấy các tài liệu, chứng cứ, ý kiến chuyên môn của chuyên gia đã sai lệch dẫn đến vi phạm quyền, lợi ích hợp pháp của Nhà nước Việt Nam.

Chương VI
CƠ CHẾ TÀI CHÍNH PHỤC VỤ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP ĐẦU TƯ QUỐC TẾ

Điều 29. Kinh phí phục vụ giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế

1. Kinh phí phục vụ giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế tại Thành phố Hồ Chí Minh được ngân sách thành phố và các nguồn hợp pháp khác đảm bảo.

2. Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được dự toán kinh phí của cơ quan chủ trì, Sở Tài chính có trách nhiệm thẩm định, rà soát kinh phí phục

vụ giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế và phối hợp với cơ quan chủ trì báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định. Trường hợp phức tạp thì có thể gia hạn một lần không quá mười (10) ngày làm việc.

3. Trong quá trình giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế, khi cần thiết, cơ quan chủ trì có quyền chủ động sử dụng kinh phí thường xuyên cấp cho cơ quan mình để phục vụ các hoạt động giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế và sau đó được cấp bù theo dự toán kinh phí được phê duyệt theo khoản 2 Điều này.

4. Việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí trong toàn bộ quá trình giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế được thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước cho công tác giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế.

Điều 30. Chi phí phát sinh từ việc tham gia của các cơ quan nhà nước trong giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế

1. Chi phí phát sinh từ việc thực hiện các hoạt động khác trong phối hợp giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế được cấp cho cơ quan chủ trì, Sở Tư pháp theo từng vụ việc cụ thể (bao gồm cả chi phí phục vụ hoạt động của Tổ công tác liên ngành) và được thực hiện theo quy định pháp luật.

2. Chi phí làm đêm, làm thêm giờ cho cán bộ thực hiện các nhiệm vụ chuyên trách về giải quyết tranh chấp và các chi phí khác nhằm tăng cường hiệu quả cho hoạt động giải quyết tranh chấp gồm chi phí cho việc tra cứu dữ liệu pháp luật quốc tế và trong nước, chi phí nâng cao năng lực hàng năm được cấp trên cơ sở đề xuất của cơ quan chủ trì và Sở Tư pháp.

3. Trong trường hợp đặc biệt, cơ quan chủ trì phối hợp với Sở Tư pháp, Sở Tài chính đề nghị cơ quan, người có thẩm quyền quyết định kinh phí phục vụ việc giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế.

Điều 31. Kinh phí thực hiện thỏa thuận hòa giải, phán quyết, quyết định của trọng tài quốc tế

Căn cứ vào phán quyết, quyết định của trọng tài quốc tế giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế, cơ quan chủ trì phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan nhà nước liên quan trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt, cấp kinh phí chi trả bồi thường theo quy định của thỏa thuận hòa giải, phán quyết, quyết định của trọng tài quốc tế từ ngân sách thành phố trong trường hợp biện pháp bị kiện là của cơ quan nhà

nước ở Thành phố.

Chương VII
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 32. Tổng kết, đánh giá việc giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế, rút kinh nghiệm, xác định trách nhiệm của cơ quan, tổ chức thực hiện hành vi trái pháp luật, trái cam kết quốc tế dẫn đến tranh chấp đầu tư quốc tế

1. Sau khi giải quyết xong vụ tranh chấp đầu tư quốc tế, cơ quan chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp và các cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan tổ chức tổng kết, đánh giá việc giải quyết vụ tranh chấp đầu tư quốc tế, họp kiểm điểm, rút ra bài học kinh nghiệm và báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố.

2. Việc xác định trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân đã thực hiện hành vi trái pháp luật Việt Nam, trái cam kết quốc tế của Việt Nam dẫn đến tranh chấp đầu tư quốc tế được thực hiện theo quy định pháp luật Việt Nam.

3. Việc xác định trách nhiệm của cá nhân đã ký hợp đồng, thỏa thuận với nhà đầu tư nước ngoài trái pháp luật Việt Nam, gây ra tranh chấp đầu tư quốc tế được thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 33. Khen thưởng

Trong quá trình giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế, cơ quan chủ trì phối hợp với Sở Tư pháp theo dõi, đôn đốc các tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại Quy chế này; báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định khen thưởng trên cơ sở kết quả việc giải quyết tranh chấp.

Việc khen thưởng thực hiện theo quy định của Luật Thi đua, Khen thưởng và các văn bản pháp luật liên quan.

Điều 34. Đôn đốc, kiểm tra thực hiện Quy chế

Sở Tư pháp có trách nhiệm:

1. Đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này;

2. Tổng hợp báo cáo, tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố hướng giải quyết những vướng mắc trong quá trình thực hiện Quy chế.

Điều 35. Điều khoản thi hành

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy chế này và gửi báo cáo về Sở Tư pháp khi được yêu cầu để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố.

2. Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Giám đốc Sở Tư pháp và các Sở, ngành liên quan thường xuyên rà soát, báo cáo tình hình khiếu nại, giải quyết khiếu nại với nhà đầu tư nước ngoài, đồng thời có nhận định, đánh giá về khả năng phát sinh tranh chấp với nhà đầu tư nước ngoài tại trọng tài quốc tế.

3. Thủ trưởng các Ban quản lý trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố có trách nhiệm thường xuyên, đột xuất báo cáo tình hình thực hiện các dự án đầu tư với nhà đầu tư nước ngoài, đồng thời có nhận định, đánh giá khả năng phát sinh tranh chấp với nhà đầu tư nước ngoài (nếu có).

4. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, tổ chức, cá nhân có liên quan báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố những vướng mắc trong quá trình thực hiện Quy chế này, đồng thời, sao gửi Sở Tư pháp./.

Ký bởi: TRUNG TÂM CÔNG BÁO
Email: ttcb.ubnd@tphcm.gov.vn
Cơ quan: VĂN PHÒNG ỦY BAN NHÂN DÂN, ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Ngày ký: 19-03-2025 15:35:30 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 24/2025/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Bãi bỏ Quyết định số 26/2015/QĐ-UBND ngày 08 tháng 6 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành chính sách hỗ trợ cơ sở vật chất ban đầu cho các Hợp tác xã nông nghiệp - dịch vụ thành lập mới trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2015 - 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm

2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 372/TTr-SNN ngày 10 tháng 02 năm 2025 và ý kiến thẩm định của Giám đốc Sở Tư pháp tại Báo cáo số 11/BC-STP ngày 02 tháng 01 năm 2025; ý kiến thống nhất của Thành viên Ủy ban nhân dân Thành phố.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ Quyết định

Bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 26/2015/QĐ-UBND ngày 08 tháng 6 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành chính sách hỗ trợ cơ sở vật chất ban đầu cho các Hợp tác xã nông nghiệp - dịch vụ thành lập mới trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2015 - 2020.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 3 năm 2025.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã Thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Võ Văn Hoan

Ký bởi: TRUNG TÂM CÔNG BÁO
Email: ttcb.ubnd@tphcm.gov.vn
Cơ quan: VĂN PHÒNG ỦY BAN NHÂN DÂN, ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Ngày ký: 19-03-2025 15:35:46 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 25/2025/QĐ-UBND	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH

Bãi bỏ Quyết định số 38/2007/QĐ-UBND ngày 05 tháng 3 năm 2007 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc ban hành Quy trình xếp hạng các Công ty Nhà nước trực thuộc Thành phố Hồ Chí Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình

số 1896/TTr-SLĐTBXH ngày 23 tháng 01 năm 2025 và Tờ trình số 31779/TTr-SLĐTBXH ngày 12 tháng 12 năm 2024, ý kiến của Sở Tư pháp tại Công văn số 338/STP- KTTrVB ngày 23 tháng 01 năm 2025 và Báo cáo thẩm định số 8072/BC-STP ngày 29 tháng 11 năm 2024; ý kiến thống nhất của các thành viên Ủy ban nhân dân Thành phố.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ Quyết định

Bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 38/2007/QĐ-UBND ngày 05 tháng 3 năm 2007 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc ban hành Quy trình xếp hạng các Công ty Nhà nước trực thuộc thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 03 tháng 3 năm 2025.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Thủ trưởng các sở, ban, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức, Tổng công ty, Công ty do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Thị Diệu Thúy

Ký bởi: TRUNG TÂM CÔNG BÁO
Email: ttcb.ubnd@tphcm.gov.vn
Cơ quan: VĂN PHÒNG ỦY BAN NHÂN DÂN, ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Ngày ký: 19-03-2025 15:35:52 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 26/2025/QĐ-UBND	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 02 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định về quản lý, sử dụng nhà chung cư trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Nhà ở ngày 27 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy ngày 22 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản và Luật Các tổ chức tín dụng ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định 95/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều Luật Nhà ở;

Căn cứ Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật nhà ở về phát triển và quản lý nhà ở xã hội;

Căn cứ Nghị định số 16/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 05/2024/TT-BXD ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 701/TTr-SXD-PTN&TTBĐS ngày 21 tháng 01 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này quy định về quản lý, sử dụng nhà chung cư trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; Thủ trưởng các Sở, ngành Thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện và thành phố Thủ Đức;

Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường, xã, thị trấn; Chủ đầu tư, Ban quản trị nhà chung cư, đơn vị quản lý vận hành nhà chung cư và các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Bùi Xuân Cường

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Về quản lý, sử dụng nhà chung cư trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

(Kèm theo Quyết định số 26/2025/QĐ-UBND ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này điều chỉnh các hoạt động quản lý, sử dụng nhà chung cư được đầu tư xây dựng có mục đích để ở và nhà chung cư có mục đích sử dụng hỗn hợp, nhà ở nhiều tầng nhiều căn hộ theo quy định của Luật Nhà ở số 27/2023/QH15 *(sau đây gọi là Luật Nhà ở)* trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Khuyến khích áp dụng các quy định của Quy chế này đối với nhà chung cư cũ thuộc tài sản công mà chưa được cải tạo, xây dựng lại hoặc nhà ở nhiều tầng nhiều căn hộ không thuộc quy định tại điểm e, điểm g khoản 1 Điều 1 Quy chế quản lý, sử dụng nhà chung cư ban hành kèm theo Thông tư số 05/2024/TT-BXD ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng *(sau đây gọi là Thông tư số 05/2024/TT-BXD)*.

3. Quy định này không áp dụng đối với nhà chung cư xã hội chỉ để cho học sinh, sinh viên thuê và nhà lưu trú công nhân ở theo hình thức ở tập thể nhiều người trong một phòng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà chung cư *(sau đây gọi chung là chủ đầu tư)*, Ban quản trị nhà chung cư, đơn vị quản lý vận hành nhà chung cư trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Chủ sở hữu; người sử dụng nhà chung cư; người đại diện hoặc người được chủ sở hữu ủy quyền quản lý, sử dụng nhà chung cư.

3. Cơ quan quản lý nhà nước về nhà ở, cơ quan quản lý nhà ở và các cơ quan, đơn vị, tổ chức khác có liên quan đến hoạt động quản lý, sử dụng nhà chung cư trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Nguyên tắc trong quản lý, sử dụng nhà chung cư

1. Hoạt động quản lý, sử dụng nhà chung cư phải đảm bảo tuân thủ các quy định về quản lý, sử dụng nhà chung cư trong Luật Nhà ở *(từ Điều 142 đến Điều 158)*, Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở *(sau đây gọi chung là Nghị định số 95/2024/NĐ-CP được quy định từ Điều 84 đến Điều 91)* và Quy chế quản lý, sử dụng nhà chung cư ban hành kèm theo Thông tư số 05/2024/TT-BXD ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Bộ Xây dựng.

2. Hoạt động quản lý nhà chung cư phải đảm bảo tính hệ thống và sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa cơ quan quản lý nhà nước các cấp, các cơ quan chuyên môn theo ngành, lĩnh vực và các đơn vị quản lý vận hành nhà chung cư, Ban Quản trị nhà chung cư, chủ sở hữu, người sử dụng nhà chung cư; nhằm đảm bảo an toàn trật tự và ổn định chất lượng cuộc sống của cư dân nhà chung cư.

3. Thông tin, dữ liệu trong hoạt động quản lý, sử dụng nhà chung cư phải được cập nhật, kết nối và chia sẻ trên hệ thống dữ liệu dùng chung của Thành phố.

4. Tăng cường hoạt động giám sát xã hội trong nhà chung cư, nhằm kịp thời ngăn chặn, xử lý các hành vi vi phạm trong quản lý, sử dụng nhà chung cư theo quy định của pháp luật.

5. Khuyến khích Chủ đầu tư, Ban quản trị nhà chung cư, đơn vị quản lý vận hành nhà chung cư, chủ sở hữu; người sử dụng nhà chung cư áp dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ thông tin trong quá trình quản lý, sử dụng nhà chung cư.

Chương II
NỘI DUNG QUẢN LÝ, SỬ DỤNG NHÀ CHUNG CƯ

Điều 4. Lập và bàn giao hồ sơ nhà chung cư

1. Việc lập và bàn giao hồ sơ nhà chung cư thực hiện theo quy định tại Điều 10 Quy chế quản lý, sử dụng nhà chung cư ban hành kèm theo Thông tư số 05/2024/TT-

BXD ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Bộ Xây dựng. Trường hợp đơn vị quản lý vận hành không còn thực hiện quản lý vận hành nhà chung cư thì phải bàn giao lại hồ sơ này cho Ban quản trị theo Hợp đồng dịch vụ quản lý vận hành đã ký kết.

2. Trường hợp nhà chung cư thuộc tài sản công phục vụ tái định cư, nhà ở xã hội không đầy đủ hồ sơ hoàn thành công trình xây dựng theo quy định, đơn vị quản lý vận hành nhà chung cư có trách nhiệm lập dự toán báo cáo, đề xuất gửi Sở Xây dựng xem xét, phối hợp Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân Thành phố chấp thuận chủ trương và kinh phí thực hiện việc lập lại hồ sơ nhà chung cư.

3. Chủ đầu tư, chủ sở hữu nhà chung cư, Ban quản trị nhà chung cư, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có nhà chung cư có trách nhiệm lập, bàn giao, tiếp nhận bàn giao hồ sơ nhà chung cư theo quy định.

Điều 5. Chỗ để xe trong nhà chung cư

1. Khi bàn giao hồ sơ, diện tích phần sử dụng chung nhà chung cư, chủ đầu tư có trách nhiệm lập, bàn giao bản vẽ mặt bằng khu vực để xe; trong đó, phân định rõ khu vực để xe cho các chủ sở hữu, người sử dụng nhà chung cư, bao gồm chỗ để xe thuộc quyền sở hữu chung, chỗ để xe ô tô và khu vực để xe công cộng.

2. Quyền sở hữu chỗ để xe trong nhà chung cư được xác định theo quy định của pháp luật, theo Hợp đồng mua bán, thuê mua căn hộ hoặc lập thành hợp đồng riêng và việc ký kết hợp đồng mua bán giữa các bên phải đảm bảo thực hiện đúng các quy định, điều kiện về ký kết hợp đồng dân sự.

Điều 6. Kinh phí bảo trì phần sở hữu chung trong nhà chung cư

1. Đối với dự án nhà chung cư mà chủ đầu tư ký hợp đồng mua bán, thuê mua căn hộ hoặc diện tích khác trong nhà chung cư kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2006 đến trước ngày Luật Nhà ở có hiệu lực thi hành mà trong hợp đồng mua bán, thuê mua căn hộ, phần diện tích khác trong nhà chung cư không có thỏa thuận về kinh phí bảo trì thì chủ đầu tư phải đóng khoản tiền này; trường hợp trong hợp đồng mua bán, thuê mua căn hộ, phần diện tích khác trong nhà chung cư mà giá mua, giá thuê mua chưa tính kinh phí bảo trì thì chủ sở hữu thực hiện đóng khoản kinh phí bảo trì theo quy định tại khoản 3 Điều 152 Luật Nhà ở.

2. Đối với dự án nhà chung cư mà chủ đầu tư ký hợp đồng mua bán, thuê mua căn hộ hoặc diện tích khác trong nhà chung cư kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2006 đến

trước ngày 01 tháng 8 năm 2024 được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 152 Luật Nhà ở.

3. Việc đóng kinh phí bảo trì phần sở hữu chung của nhà chung cư có nhiều chủ sở hữu trên địa bàn Thành phố được thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 152 Luật Nhà ở.

4. Việc quản lý, sử dụng, bàn giao và cưỡng chế bàn giao kinh phí bảo trì phần sở hữu chung của nhà chung cư có nhiều chủ sở hữu trên địa bàn Thành phố được thực hiện theo quy định tại Điều 153, 154 và Điều 155 Luật Nhà ở; Mục số 2 Chương XII Nghị định số 95/2024/NĐ-CP và Điều 36, 37, 39 Quy chế quản lý, sử dụng nhà chung cư ban hành kèm theo Thông tư số 05/2024/TT-BXD.

Điều 7. Bảo trì nhà chung cư

1. Các quy định về nguyên tắc bảo trì nhà chung cư; kế hoạch bảo trì phần sở hữu chung trong nhà chung cư; các hạng mục của nhà chung cư được sử dụng kinh phí bảo trì phần sở hữu chung để thực hiện việc bảo trì; ký kết hợp đồng bảo trì và thực hiện bảo trì phần sở hữu chung của nhà chung cư được thực hiện theo quy định tại Điều 130 Luật Nhà ở; Điều 31, Điều 32, Điều 33, Điều 34 và Điều 35 Quy chế quản lý, sử dụng nhà chung cư ban hành kèm theo Thông tư số 05/2024/TT-BXD.

2. Đối với nhà chung cư đã đưa vào khai thác, sử dụng nhưng chưa có quy trình bảo trì thì việc lập và phê duyệt quy trình bảo trì được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 31 của Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

3. Đối với việc bảo trì phần sở hữu chung tại nhà chung cư thuộc các trường hợp quy định tại khoản 3 và điểm a, điểm c khoản 4 Điều 31 Quy chế quản lý, sử dụng nhà chung cư ban hành kèm theo Thông tư số 05/2024/TT-BXD phải được thực hiện theo kế hoạch bảo trì do Hội nghị nhà chung cư thông qua và theo quy trình bảo trì tòa nhà, quy trình bảo trì thiết bị đã được lập theo quy định.

Điều 8. Quản lý vận hành nhà chung cư

1. Đơn vị quản lý vận hành nhà chung cư thuộc tài sản công, gồm:

a) Đơn vị sự nghiệp công lập được giao quản lý vận hành nhà ở thuộc tài sản công.

b) Các doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân Thành phố nắm giữ 100% vốn điều lệ, có chức năng quản lý vận hành nhà chung cư hoặc chức năng quản lý bất động sản được giao quản lý vận hành nhà ở thuộc tài sản công.

c) Quỹ Phát triển nhà ở Thành phố Hồ Chí Minh.

d) Các đơn vị quản lý vận hành nhà chung cư được cơ quan đại diện chủ sở hữu lựa chọn hoặc giao cho cơ quan quản lý nhà ở lựa chọn.

2. Đơn vị quản lý vận hành nhà chung cư không thuộc khoản 1 Điều này do Hội nghị nhà chung cư hoặc chủ đầu tư (*trong trường hợp chưa tổ chức Hội nghị nhà chung cư lần đầu*) xem xét, lựa chọn theo quy định.

3. Đơn vị quản lý vận hành nhà chung cư phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu, quy định của Luật Nhà ở, Nghị định số 95/2024/NĐ-CP và Quy chế quản lý, sử dụng nhà chung cư ban hành kèm theo Thông tư số 05/2024/TT-BXD.

Điều 9. Hỗ trợ kinh phí bảo trì phần sở hữu chung trong nhà chung cư phục vụ tái định cư

1. Việc hỗ trợ kinh phí bảo trì phần sở hữu chung trong nhà chung cư phục vụ tái định cư được thực hiện theo điểm d khoản 2 Điều 40 Nghị định số 95/2024/NĐ-CP.

2. Đơn vị quản lý vận hành nhà chung cư phục vụ tái định cư có trách nhiệm rà soát, lập dự toán hỗ trợ kinh phí bảo trì phần sở hữu chung, gửi Sở Xây dựng có ý kiến gửi Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, giải quyết việc hỗ trợ kinh phí bảo trì phần sở hữu chung trong nhà chung cư phục vụ tái định cư theo quy định.

Điều 10. Khai thác phần diện tích thuộc sở hữu chung trong nhà chung cư

1. Việc khai thác phần diện tích thuộc sở hữu chung trong nhà chung cư phải do Hội nghị nhà chung cư quyết định, bao gồm việc thông qua các nội dung về loại hình dịch vụ được khai thác, vị trí và diện tích khai thác, thời hạn khai thác, giá khởi điểm hoặc giá niêm yết, các loại chi phí hợp lý, hợp lệ *(nếu có)*.

2. Ban Quản trị nhà chung cư căn cứ các nội dung được Hội nghị nhà chung cư thông qua theo quy định tại khoản 1 Điều này, để triển khai việc khai thác phần diện tích thuộc sở hữu chung trong nhà chung cư, bảo đảm công khai, minh bạch.

3. Số tiền thu được từ hoạt động khai thác phần diện tích thuộc sở hữu chung trong nhà chung cư, sau khi trừ đi các khoản chi phí hợp lý, hợp lệ được nộp vào tài khoản kinh phí bảo trì và được sử dụng để bảo trì phần sở hữu chung nhà chung cư.

Điều 11. Quản lý hoạt động kinh doanh dịch vụ, thương mại trong nhà chung cư

1. Điều kiện kinh doanh dịch vụ, thương mại trong nhà chung cư

a) Nhà chung cư có mục đích sử dụng hỗn hợp, trong đó có khu chức năng kinh doanh văn phòng, dịch vụ, thương mại.

b) Các ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh trong nhà chung cư không thuộc trường hợp quy định tại điểm đ, e khoản 8 Điều 3 Luật Nhà ở.

c) Phải tuân thủ theo quy định pháp luật về các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.

2. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ, thương mại trong nhà chung cư

a) Sử dụng phần diện tích thương mại, dịch vụ trong nhà chung cư theo đúng hồ sơ thiết kế xây dựng dự án, quyết định chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở và mục đích sử dụng đã được phê duyệt.

b) Không gây cản trở đến các hoạt động bình thường của cư dân sinh sống trong nhà chung cư.

c) Phải đảm bảo nội quy, quy chế quản lý, sử dụng nhà chung cư.

3. Trách nhiệm của Ban quản trị nhà chung cư, cư dân nhà chung cư

a) Tạo điều kiện để các tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ thương mại theo đúng hồ sơ thiết kế xây dựng dự án, quyết định chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở.

b) Không gây cản trở đến hoạt động kinh doanh dịch vụ, thương mại trong nhà chung cư.

Điều 12. Quản lý hoạt động khai thác căn hộ dùng làm cơ sở lưu trú du lịch trong nhà chung cư

1. Điều kiện khai thác căn hộ làm dịch vụ lưu trú du lịch trong nhà chung cư

a) Phải là căn hộ dùng làm cơ sở lưu trú du lịch thuộc nhà chung cư có mục đích

sử dụng hỗn hợp *(sau đây gọi là căn hộ du lịch)*;

b) Tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ lưu trú du lịch; căn hộ du lịch phải đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định pháp luật về du lịch;

c) Phải tuân thủ các quy định của pháp luật về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.

2. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ lưu trú du lịch trong nhà chung cư

a) Thực hiện đăng ký tạm trú, thông báo lưu trú cho khách du lịch là công dân Việt Nam, người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài theo quy định pháp luật hiện hành.

Việc đăng ký tạm trú, thông báo lưu trú thực hiện theo hình thức trực tiếp (*tại Công an xã, phường, thị trấn trong thời hạn 12 giờ kể từ khi người nước ngoài đến đăng ký tạm trú*) hoặc trực tuyến (*qua Cổng dịch vụ công Quốc gia; Cổng dịch vụ công Bộ Công an; Ứng dụng VneID hoặc dịch vụ công trực tuyến khác theo hướng dẫn và quy định pháp luật có liên quan*).

b) Chấp hành đầy đủ các nội quy về quản lý, sử dụng nhà chung cư và quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 13. Quản lý hoạt động cho thuê căn hộ để ở

1. Việc cho thuê căn hộ trong nhà chung cư phải đảm bảo đúng mục đích sử dụng để ở, tuyệt đối không sử dụng căn hộ chung cư vào mục đích không phải để ở.

2. Việc cho thuê căn hộ trong nhà chung cư phải có hợp đồng ký kết giữa chủ sở hữu căn hộ chung cư và người có nhu cầu thuê căn hộ *(hợp đồng thuê căn hộ không bắt buộc phải được công chứng, chứng thực)*. Việc yêu cầu chủ sở hữu và người thuê căn hộ chung cư phải ký hợp đồng thuê nhà nhằm xác định trách nhiệm của chủ sở hữu căn hộ, tránh trường hợp người thuê căn hộ chung cư sử dụng vào các mục đích khác *(không phải để ở)*, nếu người thuê sử dụng sai mục đích sẽ bị xử lý trách nhiệm.

3. Ban quản trị nhà chung cư, đơn vị quản lý vận hành nhà chung cư căn cứ vào hợp đồng thuê để yêu cầu người đang sử dụng căn hộ thuê phải tuân thủ nội quy, quy chế quản lý, sử dụng nhà chung cư để bảo đảm an ninh trật tự của nhà chung cư, tránh gây ảnh hưởng đến cư dân sinh sống trong nhà chung cư.

Chương III

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP VÀ XỬ LÝ VI PHẠM PHÁP LUẬT TRONG QUẢN LÝ, SỬ DỤNG NHÀ CHUNG CƯ

Điều 14. Giải quyết tranh chấp

Việc giải quyết tranh chấp trong quản lý, sử dụng nhà chung cư được thực hiện theo quy định tại Điều 194 Luật Nhà ở và Điều 44 Quy chế quản lý, sử dụng nhà chung cư ban hành kèm theo Thông tư số 05/2024/TT-BXD và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Điều 15. Xử lý vi phạm trong quản lý, sử dụng nhà chung cư

Các hành vi vi phạm trong quản lý, sử dụng nhà chung cư trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh được xử lý theo quy định tại Điều 195 Luật Nhà ở; Nghị định số 16/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về xây dựng; Điều 45 Quy chế quản lý, sử dụng nhà chung cư ban hành kèm theo Thông tư số 05/2024/TT-BXD; các văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Trách nhiệm của Sở Xây dựng

Sở Xây dựng là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, tham mưu, giúp việc cho Ủy ban nhân dân Thành phố trong lĩnh vực quản lý nhà ở về nhà chung cư, có trách nhiệm sau đây:

1. Thực hiện trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà ở thuộc tài sản công do Ủy ban nhân dân Thành phố làm đại diện chủ sở hữu, cụ thể:

a) Rà soát, phân loại và quản lý chặt chẽ nhà chung cư thuộc tài sản công; đảm bảo việc bố trí, sử dụng nhà ở đúng đối tượng, đúng mục đích và hiệu quả.

b) Định kỳ tổ chức rà soát, kiểm định, đánh giá chất lượng nhà chung cư theo định kỳ, làm cơ sở để lập, trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt chương trình phát triển nhà ở của Thành phố, hoặc trình phê duyệt kế hoạch cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư cho từng dự án cụ thể.

2. Thực hiện trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà ở về chung cư theo quy định

tại Nghị định số 95/2024/NĐ-CP; Nghị định số 98/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 7 năm 2024 về cải tạo xây dựng lại nhà chung cư và Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2024 về phát triển và quản lý nhà ở xã hội, cụ thể như sau:

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố triển khai thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quản lý, sử dụng nhà chung cư trên địa bàn Thành phố theo quy định của Luật Nhà ở và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở và Quy định này.

b) Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, Ngành liên quan xây dựng ban hành khung giá dịch vụ quản lý vận hành nhà chung cư theo quy định tại khoản 7 Điều 151 Luật Nhà ở trình Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành.

c) Triển khai phổ biến, hướng dẫn việc thực hiện quy định của pháp luật về công tác quản lý, sử dụng nhà chung cư trên địa bàn Thành phố.

d) Thực hiện chấm điểm thi đua công tác quản lý đô thị đối với Ủy ban nhân dân cấp huyện trong công tác quản lý, sử dụng nhà chung cư hàng năm theo quy định pháp luật hiện hành và chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố.

đ) Thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý đối với các hành vi vi phạm quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng nhà chung cư.

e) Chủ trì tiếp nhận, kiểm tra và ban hành văn bản thông báo đủ điều kiện thực hiện quản lý vận hành nhà chung cư; đồng thời, kiểm tra định kỳ đối với các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ quản lý vận hành nhà chung cư trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định.

g) Định kỳ 06 tháng, hàng năm hoặc đột xuất tổng hợp, báo cáo Bộ Xây dựng về tình hình quản lý, sử dụng nhà chung cư trên địa bàn Thành phố.

Điều 17. Trách nhiệm của các Sở, Ban, Ngành trong công tác quản lý, sử dụng nhà chung cư trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

1. Trách nhiệm của Sở Tài chính

a) Phối hợp với Sở Xây dựng hướng dẫn việc sử dụng kinh phí thu được từ hoạt động cho thuê tại các diện tích kinh doanh thương mại, dịch vụ đối với nhà chung cư tái định cư;

b) Hướng dẫn các đơn vị quản lý vận hành nhà ở thuộc tài sản công lập dự toán kinh phí quản lý vận hành nhà chung cư chưa bố trí; thẩm định dự toán và trình Ủy

ban nhân dân Thành phố phê duyệt theo quy định pháp luật về ngân sách Nhà nước.

c) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan về bố trí nguồn ngân sách để khắc phục các nội dung không đảm bảo yêu cầu về Phòng cháy, chữa cháy tại các nhà chung cư thuộc trách nhiệm quản lý được xây dựng và đưa vào hoạt động từ trước thời điểm Luật Phòng cháy và chữa cháy năm 2001 có hiệu lực.

2. Trách nhiệm của Sở Tư pháp

Phối hợp với Sở Xây dựng trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật quy định về quản lý, sử dụng nhà chung cư trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 93 Nghị định số 95/2024/NĐ-CP; quy định về giá dịch vụ quản lý vận hành nhà ở tại các dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân để áp dụng thống nhất trên địa bàn Thành phố theo quy định tại khoản 10 Điều 75 Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật nhà ở về phát triển và quản lý nhà ở xã hội trước khi trình Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định.

3. Trách nhiệm của Công an Thành phố

a) Thực hiện công tác quản lý nhà nước về an ninh, trật tự; tăng cường công tác kiểm tra, hướng dẫn thực hiện đăng ký thường trú, tạm trú, thông báo lưu trú, khai báo tạm vắng tại các nhà chung cư trên địa bàn Thành phố; hướng dẫn việc đăng ký, quản lý con dấu của Ban quản trị các nhà chung cư theo quy định của pháp luật.

b) Tuyên truyền, hướng dẫn chủ đầu tư, đơn vị quản lý vận hành nhà chung cư, Ban quản trị nhà chung cư, các chủ sở hữu, người sử dụng nhà chung cư thực hiện các quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy tại các nhà chung cư, pháp luật về mua bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc; thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra về phòng cháy và chữa cháy, kịp thời phát hiện và xử lý các vi phạm pháp luật về phòng cháy và chữa cháy theo quy định; giải quyết các khiếu nại, tố cáo có liên quan đến lĩnh vực phòng cháy và chữa cháy trong phạm vi thẩm quyền.

c) Chỉ đạo Công an quận, huyện, thành phố Thủ Đức rà soát, chỉ đạo tổ chức ký kết quy chế phối hợp đảm bảo an ninh trật tự giữa Công an cấp xã với Ban quản lý, Ban quản trị nhà chung cư. Tăng cường công tác quản lý địa bàn, báo cáo đề xuất phối hợp xử lý ngay từ đầu đối với các chung cư chưa được nghiệm thu nhưng đã bàn giao căn hộ cho cư dân vào sử dụng.

d) Thực hiện thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy đối với hồ sơ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công dự án, công trình; kiểm tra an toàn phòng cháy, chữa cháy trong quá trình thi công, nghiệm thu về phòng cháy, chữa cháy...

đ) Điều tra, truy cứu trách nhiệm theo quy định đối với các tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm nghiêm trọng, có dấu hiệu tội phạm trong quản lý, vận hành, sử dụng nhà chung cư, đặc biệt là hành vi chiếm dụng, sử dụng kinh phí bảo trì phần sở hữu chung của nhà chung cư trái quy định của pháp luật.

4. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Thực hiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho các chủ sở hữu căn hộ và diện tích khác trong nhà chung cư trên địa bàn Thành phố theo quy định của pháp luật;

b) Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về lĩnh vực môi trường; về quản lý, sử dụng đất đai đối với các dự án đã được giao đất, cho thuê đất theo quy định.

5. Trách nhiệm của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội

Tăng cường công tác quản lý nhà nước về kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn lao động trong việc thực hiện công tác quản lý vận hành nhà chung cư và việc sử dụng thiết bị thuộc sở hữu chung tại các nhà chung cư theo quy định pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động.

6. Trách nhiệm của Sở Công thương

a) Thực hiện công tác quản lý nhà nước về việc chấp hành sử dụng trang thiết bị theo tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành về an toàn, hiệu quả trong công tác quản lý, sử dụng nhà chung cư trên địa bàn Thành phố.

b) Thực hiện chức năng quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo vệ quản lý người tiêu dùng *(các quy định về hàng hóa, dịch vụ thiết yếu phải đăng ký hợp đồng mẫu, điều kiện giao dịch chung)*.

7. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Chỉ đạo Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành.

b) Cơ quan Đăng ký kinh doanh yêu cầu doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh,

đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định pháp luật.

8. Trách nhiệm của Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh

Thực hiện thủ tục mua bán điện cho các tổ chức, cá nhân sử dụng nhà chung cư theo quy định của pháp luật; Phối hợp với cơ quan chức năng có thẩm quyền trong việc thực hiện các quy định về quản lý, sử dụng nhà chung cư trên địa bàn Thành phố.

9. Trách nhiệm của các đơn vị cung cấp nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

Thực hiện thủ tục cung cấp dịch vụ nước sạch cho các tổ chức, cá nhân sử dụng nhà chung cư theo quy định của pháp luật, phối hợp với cơ quan chức năng có thẩm quyền trong việc thực hiện các quy định về quản lý, sử dụng nhà chung cư trên địa bàn Thành phố.

10. Trách nhiệm của các tổ chức tín dụng hoặc Chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đang hoạt động trên địa bàn Thành phố nơi có nhà chung cư và đang quản lý tài khoản thanh toán dùng để quản lý kinh phí bảo trì phần sở hữu chung của nhà chung cư hoặc tài khoản khác của chủ đầu tư dự án nhà chung cư có trách nhiệm sau đây:

a) Cung cấp thông tin có liên quan đến tài khoản thanh toán dùng để quản lý kinh phí bảo trì phần sở hữu chung của nhà chung cư hoặc tài khoản khác của chủ đầu tư *(nếu chủ đầu tư không mở tài khoản thanh toán dùng để quản lý kinh phí bảo trì phần sở hữu chung của nhà chung cư hoặc có mở tài khoản nhưng không có tiền hoặc có tiền nhưng không đủ theo số liệu quyết toán với Ban quản trị nhà chung cư)* theo đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp huyện làm để làm căn cứ ra Quyết định cưỡng chế bàn giao kinh phí bảo trì phần sở hữu chung của nhà chung cư *(trong trường hợp chủ đầu tư không bàn giao kinh phí bảo trì phần sở hữu chung của tòa nhà chung cư cho Ban quản trị nhà chung cư theo quy định).*

b) Các tổ chức tín dụng hoặc hoặc Chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đang hoạt động trên địa bàn Thành phố nơi có nhà chung cư chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc cung cấp thông tin cũng như tính xác thực của thông tin cung cấp nêu trên.

b) Thực hiện các trình tự, thủ tục cưỡng chế bàn giao kinh phí bảo trì phần sở hữu chung trong nhà chung cư theo Quyết định cưỡng chế của Ủy ban nhân dân cấp huyện và cơ quan khác có thẩm quyền theo quy định.

Điều 18. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Thực hiện theo quy định tại Điều 48 Quy chế quản lý, sử dụng nhà chung cư ban hành kèm theo Thông tư số 05/2024/TT-BXD, các văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh liên quan đến công tác quản lý, sử dụng, quản lý vận hành nhà chung cư và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp chủ đầu tư, Ban quản trị, đơn vị quản lý vận hành nhà chung cư, cơ quan chức năng có liên quan tổ chức triển khai tập huấn, phổ biến tuyên truyền các quy định pháp luật về quản lý, sử dụng nhà chung cư đến các chủ sở hữu, người sử dụng nhà chung cư nhằm nâng cao ý thức chấp hành pháp luật trong quản lý, sử dụng nhà chung cư.

3. Kiểm tra việc tổ chức Hội nghị nhà chung cư và thành lập, kiện toàn thành viên Ban quản trị nhà chung cư trên địa bàn được giao quản lý; xử lý theo thẩm quyền đối với trường hợp chủ đầu tư chậm triển khai, không thực hiện nội dung trên, nhằm kịp thời chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức Hội nghị nhà chung cư lần đầu theo quy định.

4. Chịu trách nhiệm đối với công tác quản lý, sử dụng, quản lý vận hành nhà chung cư theo địa giới hành chính

5. Xem xét, tham mưu thực hiện việc quản lý dân cư của từng tòa nhà, cụm nhà chung cư theo quy định của pháp luật.

6. Tùy tình hình thực tế tại địa phương để xây dựng kế hoạch kiểm tra định kỳ đối với các nhà chung cư trên địa bàn và xử lý theo thẩm quyền quy định; không để phát sinh các vụ việc khiếu nại phức tạp, khiếu kiện đông người, gây mất an ninh trật tự công cộng.

7. Quản lý chặt chẽ hoạt động xây dựng tại các dự án nhà chung cư trên địa bàn, xử lý kịp thời các hành vi cải tạo, cơi nới làm ảnh hưởng đến kết cấu chịu lực công trình, mỹ quan công trình; đặc biệt là việc chấp hành quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy; phối hợp với cơ quan chức năng về phòng cháy, chữa cháy tổ chức tập huấn, thực tập, kiểm tra việc chấp hành quy định về công tác phòng cháy, chữa cháy tại các nhà chung cư; xử lý theo thẩm quyền và quy định của pháp luật đối với các trường hợp vi phạm, không đảm bảo về điều kiện về phòng cháy, chữa cháy.

8. Chủ động phối hợp với các Sở, Ban, Ngành và các đơn vị có liên quan trong việc tổ chức, thực hiện tiếp nhận và quản lý các công trình, hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật tại khu vực nhà chung cư theo nội dung dự án được phê duyệt hoặc theo phân cấp quản lý.

9. Phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường trong công tác cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho các chủ sở hữu căn hộ trong nhà chung cư trên địa bàn được giao quản lý theo quy định của pháp luật.

10. Thực hiện chế độ báo cáo, cung cấp số liệu, thông tin nhà chung cư trên địa bàn được giao quản lý về Sở Xây dựng định kỳ 06 tháng, hàng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất. Thời gian nộp báo cáo: báo cáo 06 tháng nộp trước ngày 05 tháng 7; báo cáo năm nộp trước ngày 20 tháng 12 hàng năm.

11. Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật nhà ở.

Điều 19. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Thực hiện theo quy định tại Điều 49 Quy chế quản lý, sử dụng nhà chung cư ban hành kèm theo Thông tư số 05/2024/TT-BXD.

2. Tuyên truyền, vận động các tổ chức, cá nhân chấp hành các nội dung của và pháp luật về quản lý, sử dụng nhà chung cư và quy định này.

3. Theo dõi, kiểm tra, giải quyết các vướng mắc phát sinh trong công tác quản lý, sử dụng nhà chung cư theo thẩm quyền hoặc báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, giải quyết theo thẩm quyền.

4. Phối hợp với chủ đầu tư, đơn vị quản lý vận hành nhà chung cư, Ban quản trị nhà chung cư giải quyết các vấn đề liên quan đến công tác quản lý, vận hành và bảo trì phần sở hữu chung nhà chung cư trên địa bàn theo quy định.

5. Quản lý, theo dõi chặt chẽ việc sử dụng đúng mục đích, đúng quy định của pháp luật đối với phần diện tích sinh hoạt cộng đồng của nhà chung cư.

6. Phối hợp, tạo điều kiện để đơn vị quản lý vận hành nhà chung cư thực hiện cung cấp các dịch vụ nhà chung cư trên địa bàn.

7. Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn trong quản lý nhà nước về phòng cháy, chữa cháy tại các nhà chung cư trên địa bàn được giao quản lý theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy.

8. Phối hợp Ban quản trị nhà chung cư, chủ đầu tư xây dựng nếp sống văn minh, giữ gìn trật tự an toàn xã hội trong nhà ở chung cư trên địa bàn được giao quản lý.

9. Kiểm tra việc quản lý vận hành đối với nhà ở nhiều tầng nhiều căn hộ trên địa bàn để bảo đảm việc thực hiện tuân thủ đúng quy định của pháp luật nhà ở và quy định này.

10. Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Trách nhiệm của Chủ đầu tư

1. Thực hiện theo quy định tại Điều 152, Điều 153, Điều 155, Điều 156 và Điều 157 Luật Nhà ở; khoản 3 Điều 6, khoản 2 và khoản 3 Điều 10, điểm b khoản 4 Điều 13, khoản 3 Điều 15, khoản 2 Điều 28, khoản 2 Điều 33, Điều 36, 37 và Điều 40 Quy chế quản lý, sử dụng nhà chung cư ban hành kèm theo Thông tư số 05/2024/TT-BXD.

2. Có văn bản thông báo cho Sở Xây dựng biết về tên chủ tài khoản, số tài khoản đã mở, tên tổ chức tín dụng, Chi nhánh Ngân hàng nước ngoài nơi mở tài khoản và kỳ hạn gửi tiền đối với kinh phí bảo trì phần sở hữu chung nhà chung cư theo quy định.

Sau khi bàn giao kinh phí bảo trì cho Ban quản trị nhà chung cư, chủ đầu tư có trách nhiệm đóng tài khoản đã lập theo quy định của pháp luật và có văn bản thông báo cho Sở Xây dựng được biết, theo dõi.

3. Trường hợp chủ đầu tư không bàn giao kinh phí bảo trì theo quy định thì chủ đầu tư bị xử phạt hành chính, bị cưỡng chế bàn giao theo quy định tại Điều 154 Luật Nhà ở, Mục số 2 Chương XII Nghị định số 95/2024/NĐ-CP.

Điều 21. Trách nhiệm của Ban quản trị nhà chung cư

1. Thực hiện theo quy định tại Điều 147, Điều 148 Luật Nhà ở; Điều 19 Quy chế quản lý, sử dụng nhà chung cư ban hành kèm theo Thông tư số 05/2024/TT-BXD.

2. Các thành viên Ban quản trị nhà chung cư phải tham gia khóa đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ quản lý vận hành nhà chung cư và được cấp Giấy chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ quản lý vận hành nhà chung cư theo quy định của pháp luật (*trong thời hạn không quá 03 tháng kể từ ngày được cơ quan có thẩm quyền công nhận Ban quản trị nhà chung cư).*

3. Phối hợp với chính quyền địa phương trong việc xây dựng nếp sống văn minh, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, vệ sinh môi trường trong nhà chung cư được giao quản lý; báo cáo cơ quan chức năng các vi phạm về cư trú, an ninh trật tự, trật tự xây dựng, phòng cháy chữa cháy. Chịu trách nhiệm trước cư dân và Ủy ban nhân dân cấp xã, cấp huyện trong việc điều hành, quản lý, sử dụng nhà chung cư, việc sử dụng kinh phí bảo trì đúng mục đích.

4. Các Quyết định của Ban quản trị nhà chung cư nếu vượt thẩm quyền và trách nhiệm *(quy định tại Luật Nhà ở, Quy chế quản lý, sử dụng nhà chung cư ban hành kèm theo Thông tư số 05/2024/TT-BXD và Quy chế hoạt động của Ban quản trị nhà chung cư)* thì không có giá trị pháp lý; trường hợp vượt quá quyền hạn khi xác lập, thực hiện giao dịch dân sự thì xử lý theo quy định của Bộ luật Dân sự. Trường hợp Ban quản trị có hành vi vi phạm, chiếm đoạt hoặc gây thất thoát kinh phí thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm thì bị xử lý vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 22. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong quản lý, sử dụng nhà chung cư

1. Thực hiện quyền và trách nhiệm của chủ sở hữu nhà chung cư; quyền và trách nhiệm của người sử dụng nhà chung cư; quyền và trách nhiệm của đơn vị quản lý vận hành chung cư được thực hiện theo quy định tại Điều 10, Điều 11 Luật Nhà ở; Điều 41, Điều 42 và Điều 43 Quy chế quản lý, sử dụng nhà chung cư ban hành kèm theo Thông tư số 05/2024/TT-BXD.

2. Cá nhân quản lý, sử dụng nhà chung cư phải chấp hành nghiêm các quy định pháp luật, xây dựng nếp sống văn minh, lành mạnh, giữ gìn vệ sinh môi trường, an ninh trật tự. Có trách nhiệm phát hiện, thông báo cho Ban quản trị nhà chung cư, Công an địa phương về những vấn đề phức tạp về an ninh trật tự. Không được lôi kéo tập trung đông người, kích động gây rối ảnh hưởng an ninh trật tự.

3. Đối với nhà ở thuộc danh mục cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy, chủ sở hữu nhà ở này phải mua bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 41 Quy chế quản lý, sử dụng nhà chung cư ban hành kèm theo Thông tư số 05/2024/TT-BXD; khuyến khích chủ sở hữu nhà ở còn lại mua bảo hiểm nhà ở theo quy định của pháp luật.

Điều 23. Điều khoản thi hành

1. Việc quản lý, sử dụng nhà chung cư trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh được thực hiện theo quy định này, pháp luật về nhà ở và pháp luật khác có liên quan.

2. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó; trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu gặp khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ tổ

chức, cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan phản ánh kịp thời về Sở Xây dựng để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định và tình hình thực tế./.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Ký bởi: TRUNG TÂM CÔNG BÁO
Email: ttcb.ubnd@tphcm.gov.vn
Cơ quan: VĂN PHÒNG ỦY BAN NHÂN DÂN, ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Ngày ký: 19-03-2025 15:36:00 +07:00

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 03/CT-UBND	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 02 năm 2025*

CHỈ THỊ

Về việc tăng cường công tác thực hành tiết kiệm, phòng, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng tài sản công trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

Từ khi Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017 có hiệu lực thi hành đến nay, hệ thống các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành, tiêu chuẩn, định mức đã được ban hành khá đồng bộ và đầy đủ; công tác quản lý, sử dụng tài sản công đã dần đi vào nề nếp; tình trạng thất thoát, lãng phí tài sản từng bước được khắc phục; ý thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành, các cơ quan, tổ chức, đơn vị được nâng lên; hiệu quả trong sử dụng, khai thác tài sản được chú trọng, góp phần quan trọng phục vụ các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

Tuy nhiên, công tác quản lý, sử dụng tài sản công còn một số bất cập, phân tán và chưa thực sự hiệu quả so với tiềm năng; việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí vẫn còn những hạn chế, tồn tại; việc chấp hành các quy định pháp luật có nơi chưa nghiêm; việc khai thác, huy động nguồn lực từ tài sản công hiệu quả chưa cao, việc sử dụng còn lãng phí, nhất là đối với đất đai, trụ sở làm việc, …

Để tăng cường công tác thực hành tiết kiệm, phòng, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng tài sản công trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; khắc phục những hạn chế và những bất cập nêu trên, góp phần phòng, chống tham nhũng, lãng phí trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; Ủy ban nhân dân Thành phố yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành Thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận huyện;

người đứng đầu các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ (gọi tắt là tổ chức) và các doanh nghiệp nhà nước (gọi tắt là doanh nghiệp) khẩn trương thực hiện các nội dung sau:

1. Công tác tuyên truyền phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

- Tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả Chỉ thị số 27-CT/TW ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thực hành, chống lãng phí, Nghị quyết số 98/NQ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ về triển khai Chỉ thị số 27-CT/TW của Bộ Chính trị và các quy định pháp luật có liên quan; đặc biệt là Bài viết *"Chống lãng phí"* của Đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm. Việc tổ chức thực hành tiết kiệm, phòng, chống lãng phí phải được quán triệt sâu sắc, triển khai quyết liệt, đồng bộ với những giải pháp, phù hợp với tình hình thực tiễn tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của Thành phố.

- Đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, vận động bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú như khẩu hiệu tuyên truyền, phát thanh, bản tin, hội thi trên Cổng thông tin điện tử… phù hợp với từng đối tượng từ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động (là những người trực tiếp liên quan đến quản lý, sử dụng ngân sách, tài sản của Nhà nước) đến mọi tầng lớp Nhân dân về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

2. Về công tác hoàn thiện các quy định, quy chế để kịp thời thực hiện có hiệu quả công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

- Thủ trưởng các sở, ban ngành thành phố, quận huyện, tổ chức, doanh nghiệp tiếp tục rà soát, đề xuất cấp có thẩm quyền sửa đổi các quy định pháp luật để công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, nhất là việc quản lý, sử dụng tài sản công (nhà, đất) khắc phục tình trạng chồng chéo, nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng tài sản công.

- Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan thực hiện rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến công tác thực hành tiết

kiệm, chống lãng phí, trong đó tập trung vào các lĩnh vực dễ xảy ra thất thoát, lãng phí, tiêu cực như đấu thầu, đấu giá, quản lý, sử dụng đất đai, tài nguyên, quản lý tài sản công, đầu tư công, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp để kịp thời đề xuất việc sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới bảo đảm phù hợp với tình hình thực tiễn.

- Sở Tài chính phối hợp với Sở Tư pháp và các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan nghiên cứu, rà soát, đối chiếu giữa các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công (đặc biệt là nhà, đất công) để kịp thời đề xuất việc sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới đảm bảo phù hợp với tình hình thực tiễn của Thành phố, quy định của Luật và các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật.

3. Về công tác lãnh đạo thực hành tiết kiệm, phòng, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng tài sản công trên địa bàn Thành phố

- Tiếp tục thực hiện đầy đủ, nghiêm túc Chỉ thị số 32/CT-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh triển khai thi hành Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật; tổ chức thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 24-CT/TU ngày 11 tháng 11 năm 2019 của Ban Thường vụ Thành ủy về việc kiểm kê, rà soát quỹ nhà, đất công trình và các tài sản khác gắn liền với đất thuộc sở hữu Nhà nước và tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng nhà, đất và tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu nhà nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; các nội dung chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố tại Chỉ thị số 10/CT-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2022 về việc thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu trong công tác quản lý, sử dụng và khai thác tài sản công; Công văn số 1446/UBND-KT ngày 13 tháng 4 năm 2023 về tăng cường công tác quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Thành phố và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn[1] khác có liên quan.

---

[1] - CV số 5243/STC-CS ngày 30/7/2024 của Sở Tài chính về tăng cường công tác quản lý, hạch toán tài sản công.
- CV số 6051/STC-CS ngày 22/8/2024 của Sở Tài chính về triển khai các quy định tại Luật Đất đai năm 2024 liên quan đến công tác quản lý, sử dụng tài sản công.
- CV số 6238/UBND-KT ngày 14/10/2024 của UBND Thành phố về tập trung đẩy mạnh công tác sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo Nghị định số 167/2017/NĐ-CP và số 67/2021/NĐ-CP của Chính phủ những tháng cuối năm 2024.
- KH số 7307/KH-UBND ngày 18/11/2024 của UBND Thành phố về triển khai các biện pháp xử lý các dự án, công trình tồn đọng, dừng thi công, thi công chậm tiến độ; công trình, trụ sở, công sở không sử dụng hoặc sử dụng chưa hiệu quả.

- Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp được cấp thẩm quyền giao quản lý tài sản công (đặc biệt là nhà, đất) có trách nhiệm bảo đảm sử dụng tài sản công đúng mục đích, tiêu chuẩn, định mức theo chế độ quy định và phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị; chủ động rà soát lại toàn bộ tài sản công, trụ sở làm việc không sử dụng, sử dụng kém hiệu quả, sử dụng không đúng mục đích để quyết định xử lý theo thẩm quyền hoặc để báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định xử lý; phối hợp với Sở Tài chính để lập phương án sắp xếp, xử lý tài sản công là nhà, đất theo đúng quy định và đồng thời, phối hợp với các đơn vị có liên quan rà soát, cập nhật, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng để đảm bảo cơ sở pháp lý phù hợp với phương án sử dụng tài sản công nhằm góp phần quản lý chặt chẽ, sử dụng tiết kiệm, phòng, chống thất thoát, lãng phí và khai thác hợp lý, có hiệu quả tài sản công.

- Tăng cường công tác quản lý, sử dụng đất đai hiệu quả, tiết kiệm; phù hợp mục đích sử dụng, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và xử lý thu hồi các tài sản nhà nước sử dụng sai mục đích, không đúng công năng, lãng phí, không hiệu quả,… để có phương án sắp xếp lại, xử lý phù hợp như: bố trí trụ sở cho các cơ quan, đơn vị còn thiếu hoặc giao cho Ủy ban nhân dân quận, huyện đầu tư xây dựng trường học, công trình phúc lợi công cộng,… Thực hiện rà soát quỹ đất công do các cơ quan, đơn vị thuộc Thành phố quản lý; trường hợp không có nhu cầu tiếp tục sử dụng; trường hợp đất thuê nhà nước có vi phạm, xem xét thu hồi theo quy định tránh gây lãng phí.

- Tiếp tục thực hiện việc chuyển giao quỹ nhà, đất do các Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích quận - huyện, Công ty TNHH MTV Quản lý kinh doanh nhà Thành phố, Công ty Kho bãi Thành phố đang quản lý sang cho Trung tâm Quản lý nhà và Giám định xây dựng (thuộc Sở Xây dựng) tiếp nhận. Thực hiện triển khai, đồng bộ, hiệu quả việc quản lý, sử dụng và khai thác nhà, đất là tài sản công không sử dụng vào

---

- CV số 7721/UBND-DA ngày 29/11/2024 của UBND Thành phố về giải quyết các dự án tồn đọng, dừng thi công để triển khai, hoàn thành, đưa vào sử dụng nhằm chống lãng phí, thất thoát.
- QĐ số 5468/QĐ-UBND ngày 29/11/2024 của UBND Thành phố về Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 1278/NQ-UBTVQH15 ngày 14/11/2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của Thành phố giai đoạn 2023-2025.
- QĐ số 6140/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND Thành phố về việc kiện toàn Tổ công tác thực hiện.
- KH số 615/KH-UBND ngày 25/01/2025 của UBND Thành phố về việc triển khai thực hiện Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15/9/2024 của Chính phủ và tăng cường công tác quản lý, khai thác, sử dụng tài sản công trên địa bàn Thành phố.

mục đích để ở giao cho tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương quản lý, khai thác theo quy định tại Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2024 của Chính phủ.

- Khẩn trương thực hiện hoàn thành các nội dung thuộc chuyên đề Chỉ thị số 24-CT/TU ngày 11 tháng 11 năm 2019 của Ban Thường vụ Thành ủy và Kế hoạch số 578/KH-UBND ngày 20 tháng 02 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố. Đây là cơ sở để tổ chức thực hiện một trong các nội dung chỉ đạo liên quan đến chấm dứt tình trạng lãng phí của Thủ tướng Chính phủ tại Công điện số 112/CĐ-TTg ngày 06 tháng 11 năm 2024 về tập trung giải quyết dứt điểm các dự án tồn đọng, dừng thi công, khẩn trương triển khai, hoàn thành, đưa vào sử dụng chống lãng phí, thất thoát và chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố theo Kế hoạch số 7307/KH-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2024 về thực hiện Công điện số 112/CĐ-TTg ngày 06 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ.

- Chủ động xây dựng kế hoạch, chương trình cụ thể để thực hiện công tác thực hành tiết kiệm, phòng, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng tài sản công trên địa bàn Thành phố; trong đó, Người đứng đầu cơ quan cần phân công, phân cấp cụ thể, rõ ràng trách nhiệm của từng đơn vị, từng bộ phận trực thuộc gắn với công tác kiểm tra, đánh giá thường xuyên, đảm bảo việc thực hiện kế hoạch, chương trình hiệu quả, có chất lượng; nêu cao trách nhiệm của người lãnh đạo, chỉ đạo trong công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng tài sản công gắn với thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao. Thực hiện nghiêm các quy định về mua sắm công, xây dựng và sử dụng trụ sở, tổ chức hội nghị, lễ kỷ niệm, tiếp khách, đi công tác, đi nước ngoài bảo đảm thiết thực, hiệu quả, không lãng phí, phô trương.

- Tổ chức, thực hiện nghiêm công tác Tổng kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý theo Đề án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 213/QĐ-TTg ngày 01 tháng 3 năm 2024, Công điện số 138/CĐ-TTg ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ, Kế hoạch số 3701/KH-UBND ngày 02 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố và các văn bản hướng dẫn[2] khác có liên quan đảm bảo tiến độ, hoàn thành

[2]- Công văn của Bộ Tài chính: số 7011/BTC-QLCS ngày 05/7/2024, số 8131/BTC-QLCS ngày 01/8/2024, số 12730/BTC-QLCS ngày 12/11/2024, số 13414/BTC-QLCS ngày 09/12/2024 và số 14485/BTC-QLCS ngày 30/12/2024.

các nội dung theo kế hoạch đã ban hành.

4. Về công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát đối với thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng tài sản công

- Đẩy mạnh công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tập trung lĩnh vực, địa bàn, vị trí công tác dễ xảy ra lãng phí, tiêu cực, nơi có nhiều đơn, thư, khiếu nại, tố cáo, dư luận xã hội quan tâm, bức xúc. Kịp thời phát hiện, phòng ngừa, xử lý nghiêm tổ chức, cá nhân vi phạm, gây thất thoát, lãng phí nguồn lực (trong công tác đấu thầu, đấu giá; quản lý, sử dụng đất đai, tài nguyên; khai thác, sử dụng tài sản công; đầu tư công; sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp;…); thực hiện nghiêm kết luận, kiến nghị của các cơ quan chức năng, thu hồi tiền, tài sản cho Nhà nước.

- Thanh tra Thành phố, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố Thủ Đức, Thanh tra các ngành tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát việc quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý; xử lý nghiêm, triệt để theo quy định của pháp luật liên quan đối với các tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm, thiếu trách nhiệm quản lý gây lãng phí.

5. Về công tác giám sát việc chấp hành pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng tài sản công quản lý, sử dụng tài sản công

Thủ trưởng các sở, ban, ngành Thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện; Người đứng đầu các tổ chức và doanh nghiệp có trách nhiệm phối hợp với Đoàn đại biểu Quốc hội Thành phố, Hội đồng nhân dân Thành phố, Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố trong thực hiện các Kế hoạch giám sát việc chấp hành pháp luật về thực hành, tiết kiệm chống lãnh phí, pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công. Các cơ quan thông tấn, báo chí phát huy vai trò công tác thông tin truyền thông, cổ vũ, động viên kịp thời những gương điển hình tốt trong bảo vệ, quản lý sử dụng tài sản công; tích cực tham gia phát hiện và góp ý, phê phán những hành vi vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản công.

Trong quá trình thực hiện, trường hợp có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, đơn vị và doanh nghiệp kịp thời có văn bản gửi Sở Tài chính chủ trì,

---

- Công văn của Sở Tài chính: số 5243/STC-CS ngày 30/7/2024, số 6429/STC-CS ngày 05/9/2024, số 9655/STC-CS ngày 06/12/2024, số 10101/STC-CS ngày 20/12/2024 và số 10337/STC-CS ngày 27/12/2024.

phối hợp các đơn vị chức năng tổng hợp, đề xuất trình Ủy ban nhân dân Thành phố để xem xét, chỉ đạo thực hiện theo quy định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Dũng

Ký bởi: TRUNG TÂM CÔNG BÁO
Email: ttcb.ubnd@tphcm.gov.vn
Cơ quan: VĂN PHÒNG ỦY BAN NHÂN DÂN, ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Ngày ký: 19-03-2025 15:36:08 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 186/QĐ-UBND

Quận 7, ngày 24 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực thi hành của năm 2024 và danh mục văn bản quy phạm pháp luật còn hiệu lực thi hành

QUYỀN CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 131/2020/QH 14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 33/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật

Ban hành văn bản quy phạm páp luật;

Căn cứ Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tư pháp tại Tờ trình số 147/TTr-TP ngày 24/01/2025.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố 10 văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân Quận 7 ban hành hết hiệu lực thi hành của năm 2024; đồng thời công bố 29 văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận hiện còn hiệu lực thi hành (có Danh mục đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc quận, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân 10 phường, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Q. CHỦ TỊCH

Châu Xuân Đại Thắng

Mẫu số: 03

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC
VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HẾT HIỆU LỰC, NGƯNG HIỆU LỰC TOÀN BỘ THUỘC LĨNH VỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7 NĂM 2024

(Ban hành kèm theo Quyết định số 186/QĐ-UBND ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 7)

A. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC, NGƯNG HIỆU LỰC TOÀN BỘ NĂM 2024: Tổng số văn bản.

Số TT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*
I. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC TOÀN BỘ					
1	Quyết định	02/2018/QĐ-UBND 28/3/2018	Về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Giáo dục và Đào tạo quận	Thay thế bởi Quyết định số 01/2024/QĐ-UBND ngày 19/2/2024 của UBND Quận 7	29/02/2024
2	Quyết định	11/2011/QĐ-UBND 24/10/2011	Ban hành quy định khu vực, đường phố, địa điểm sản xuất, kinh doanh và nơi để phế thải vật liệu xây dựng trên địa bàn Quận 7.	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 02/2024/QĐ-UBND, ngày 25/4/2024 cảu UBND Quận 7	03/5/2024
3	Quyết định	14/2008/QĐ-UBND	Về việc ban hành Quy chế tổ chức và	Thay thế bởi Quyết định số	20/6/2024

Số TT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
		03/11/2008	hoạt động của Phòng Văn và Thông tin Quận 7.	03/2024/QĐ-UBND ngày 10/6/2024 của Ủy ban nhân dân Quận 7	
4	Quyết định	08/2012/QĐ-UBND 31/7/2012	Về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Văn và Thông tin Quận 7.		20/6/2024
5	Quyết định	01/2018/QĐ-UBND 28/3/2018	Về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Tài Nguyên và Môi trường Quận 7.	Thay thế bởi Quyết định số 04/2024/QĐ-UBND ngày 11/6/2024 của UBND Quận 7	20/6/2024
6	Quyết định	09/2011/QĐ-UBND 08/9/2011	Về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Kinh tế Quận 7	Thay thế bởi Quyết định số 05/2024/QĐ-UBND ngày 11/6/2024 của UBND Quận 7	20/6/2024
7	Quyết định	03/2018/QĐ-UBND 9/4/2018	Về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Quận 7	Thay thế bởi Quyết định số 06/2024/QĐ-UBND ngày 11/6/2024 của UBND Quận 7	20/6/2024
8	Quyết định	02/2011/QĐ-UBND 04/3/2011	Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Quản lý đô thị Quận 7	Thay thế bởi Quyết định số 07/2024/QĐ-UBND ngày 25/11/2024 của UBND Quận 7	02/12/2024
9	Quyết định	07/2012/QĐ-UBND 17/7/2012	Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Quản lý đô thị Quận 7		02/12/2024
10	Quyết	23/2008/QĐ-	Ban hành Quy chế	Thay thế bởi	02/12/2024

Số TT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
	định	UBND 19/11/2008	tổ chức và hoạt động của Phòng Tài chính - Kế hoạch Quận 7	Quyết định số 08/2024/QĐ-UBND ngày 25/11/2024 của UBND Quận 7	
II. VĂN BẢN NGƯNG HIỆU LỰC TOÀN BỘ					
	Không có				

B. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC, NGƯNG HIỆU LỰC TOÀN BỘ TRƯỚC NGÀY 01/01/2024

Số TT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
I. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC TOÀN BỘ					
Không có					
II. VĂN BẢN NGƯNG HIỆU LỰC TOÀN BỘ					
Không có					

Mẫu số: 04

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC
VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HẾT HIỆU LỰC, NGƯNG HIỆU LỰC MỘT PHẦN THUỘC LĨNH VỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7 NĂM 2024

(Ban hành kèm theo Quyết định số 186/QĐ-UBND ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 7)

A. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC, NGƯNG HIỆU LỰC MỘT PHẦN NĂM 2024

Số TT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
I. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC MỘT PHẦN					
	Không có				
II. VĂN BẢN NGƯNG HIỆU LỰC MỘT PHẦN TRƯỚC NGÀY 01/01/2024					
	Không có				

B. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC, NGƯNG HIỆU LỰC MỘT PHẦN TRƯỚC NGÀY 01/01/2024

Số TT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
I. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC MỘT PHẦN					
	Không có				
II. VĂN BẢN NGƯNG HIỆU LỰC MỘT PHẦN TRƯỚC NGÀY 01/01/2024					
	Không có				

Mẫu số: 05

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC
VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT THUỘC LĨNH VỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN, ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7 CÒN HIỆU LỰC ĐẾN NGÀY 31/12/2024

(Ban hành kèm theo Quyết định số 186/QĐ-UBND ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 7)

Số TT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung văn bản	Thời điểm có hiệu lực	Ghi chú
I	**Văn bản do Hội đồng nhân dân quận ban hành**				
1	Nghị quyết	22/2006/NQ-HĐND 25/10/2006	Về phân loại đơn vị hành chính 10 phường thuộc quận	01/11/2006	
2	Nghị quyết	01/2016/NQ-HĐND 20/12/2016	Về việc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật.	27/12/2016	
3	Nghị quyết	01/2020/NQ-HĐND 16/12/2020	Về việc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật	24/12/2020	
II	**Văn bản do Ủy ban nhân dân quận ban hành**				
1	Quyết định	111/2007/QĐ-UBND 30/11/2007	Về việc tách thành lập Tổ dân phố, khu phố thuộc phường Tân Phong	07/12/2007	
2	Quyết định	13/2008/QĐ-UBND 17/9/2008	Về việc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật	24/9/2008	
3	Quyết	13/2009/QĐ-UBND	Về bãi bỏ văn bản quy	13/10/2009	

Số TT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung văn bản	Thời điểm có hiệu lực	Ghi chú
	định	06/10/2009	phạm pháp luật		
4	Quyết định	06/2010/QĐ-UBND 23/7/2010	Về việc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật	30/7/2010	
5	Quyết định	03/2011/QĐ-UBND 12/5/2011	Về việc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật	19/5/2011	
6	Quyết định	06/2011/QĐ-UBND 17/8/2011	Về việc huỷ bỏ văn bản quy phạm pháp luật	24/8/2011	
7	Quyết định	07/2011/QĐ-UBND 17/8/2011	Về việc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật	24/8/2011	
8	Quyết định	10/2011/QĐ-UBND 20/9/2011	Về việc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật	27/9/2011	
9	Quyết định	03/2012/QĐ-UBND 6/4/2012	Về việc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật	13/4/2012	
10	Quyết định	09/2012/QĐ-UBND 15/10/2012	Về việc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật	22/10/2012	
11	Quyết định	12/2012/QĐ-UBND 22/10/2012	Về việc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật	29/10/2012	
12	Quyết định	02/2013/QĐ-UBND 23/4/2013	Về huỷ bỏ văn bản quy phạm pháp luật	30/4/2013	
13	Quyết định	01/2017/QĐ-UBND 25/5/2017	Về việc bãi bỏ văn bản	01/6/2017	
14	Quyết định	03/2017/QĐ-UBND 01/8/2017	Về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Thanh tra Quận 7	08/8/2017	
15	Quyết	01/2023/QĐ-UBND	Ban hành Quy chế về	29/9/2023	

Số TT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung văn bản	Thời điểm có hiệu lực	Ghi chú
	định	22/9/2023	tổ chức và hoạt động của Phòng Y tế Quận 7		
16	Quyết định	02/2023/QĐ-UBND 26/9/2023	Ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Nội vụ Quận 7	02/10/2023	
17	Quyết định	03/2023/QĐ-UBND 10/10/2023	Ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Tư pháp Quận 7	20/10/2023	
18	Quyết định	04/2024/QĐ-UBND 16/10/2023	Ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Lao động – Thuông binh và Xã hội Quận 7	25/10/2023	
19	Quyết định	01/2024/QĐ-UBND 19/2/2024	Về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Giáo dục và Đào tạo quận	29/02/2024	
20	Quyết định	02/2024/QĐ-UBND, 25/4/2024	Về việc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật	03/5/2024	
21	Quyết định	03/2024/QĐ-UBND 10/6/2024	Về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Văn và Thông tin Quận 7.	20/6/2024	
22	Quyết định	04/2024/QĐ-UBND 11/6/2024	Về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Tài Nguyên và Môi trường Quận 7.	20/6/2024	
23	Quyết định	05/2024/QĐ-UBND 11/6/2024	Về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Kinh	20/6/2024	

Số TT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung văn bản	Thời điểm có hiệu lực	Ghi chú
			tế Quận 7		
24	Quyết định	06/2024/QĐ-UBND 11/6/2024	Về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Văn phòng Ủy ban nhân dân Quận 7	20/6/2024	
25	Quyết định	07/2024/QĐ-UBND 25/11/2024	Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Quản lý đô thị Quận 7	02/12/2024	
26	Quyết định	08/2024/QĐ-UBND 25/11/2024	Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Tài chính - Kế hoạch Quận 7	02/12/2024	

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1
Điện thoại: 38.233.686
Fax: (84.8) 38.233.694
Email: ttcb.ubnd@tphcm.gov.vn
Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn
In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng